

Số: 1939 /TTr-BSR

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc cập nhật tài liệu, văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần
Lộc hóa dầu Bình Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1872/NQ-BSR ngày 26/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty cổ phần Lộc Hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của BSR như sau:

- Chương trình đại hội (*Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo*);
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 (*Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo*);
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (*Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo*);
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (*Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo*);
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (*Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo*);

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 (*Chi tiết như Phụ lục 06 kèm theo*);
- Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát *Chi tiết như Phụ lục.07 kèm theo*);
- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*Chi tiết như Phụ lục 08 kèm theo*)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT ;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban TCKT, QTNL, PCRR, KSNB;
- Lưu : VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hồi

H/TC/CC/300

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Thời gian: 08h00 ngày 23 tháng 04 năm 2021

Địa điểm: Hội trường Nhà máy lọc dầu Dung Quất, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Thời gian dự kiến	Thời lượng	Nội dung
	(phút)	
I. Khai mạc Đại hội		
08h00 - 09h00	30	Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông
		Cổ đông nhận Tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử
	30	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
		Giới thiệu và thông qua Ban chủ tọa
		Giới thiệu và thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu
		Thông qua thẻ lệ bầu cử và biểu quyết
		Thông qua Quy chế Đại hội
Thông qua Chương trình Đại hội		
II. Nội dung Đại hội		
09h00 - 11h25	20	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021
	15	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021
	10	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021
	5	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
	5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
	10	Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
	30	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
	30	Thảo luận và biểu quyết về nội dung các báo cáo, tờ trình
	10	Phát biểu của Đại diện cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
	10	Công bố kết quả kiểm phiếu
III. Tổng kết Đại hội		
11h25 - 11h45	15	Thông qua Đại hội Biên bản họp và Nghị quyết đại hội
	5	Bế mạc đại hội

171
 37
 37
 37
 37
 37

PHỤ LỤC 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

A. Đánh giá chung

Năm 2020 do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, là năm hết sức khó khăn cho ngành công nghiệp lọc dầu trên toàn thế giới nói chung và Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) nói riêng. Giá dầu thô, sản phẩm rất bất lợi cho hoạt động lọc dầu dẫn đến hiệu quả SXKD của Công ty bị suy giảm. BSR đã áp dụng triệt để các công cụ quản trị hiện có, tận dụng tối đa những thuận lợi và chủ động đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời để ứng phó với những khó khăn ở từng thời điểm do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, bên cạnh đó kết hợp với những nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV, BSR đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng cụ thể như sau:

1. Thuận lợi

- a) Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ/ Bộ ngành.
- b) Nhà máy đạt 29,2 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).
- c) Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình gần 105% công suất thiết kế (cao hơn công suất kế hoạch: 103%).
- d) Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.

2. Khó khăn

- a) Thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4: Nhà máy dừng sản xuất 51 ngày để thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 4 làm giảm sản lượng sản xuất và tiêu thụ
- b) Ảnh hưởng của hàng tồn kho: Trong 5 tháng đầu năm, đặc biệt từ ngày 06/3/2020 đến ngày 04/5/2020, giá dầu thô và sản phẩm sụt giảm rất mạnh, có thời điểm giá dầu WTI giảm xuống - 37,6 USD/bbl tại ngày 20/4/2020, dầu Dtd Brent giảm còn 13,2 USD/bbl tại ngày 21/4/2020. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên từ nửa cuối tháng 02/2020 đến nửa đầu tháng 4/2020, công tác tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn dẫn đến tồn kho của Nhà máy cao khiến cho BSR chịu tổn thất giảm giá hàng tồn kho lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Từ tháng 5/2020, giá dầu bắt đầu hồi phục nên từ tháng 6/2020, Công ty thu được lợi nhuận do tăng giá hàng tồn kho nhưng vẫn chưa bù được tổn thất do giảm giá hàng tồn kho trước đó.
- c) Khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô (crack margin): từ nửa cuối tháng 02/2020 crack margin bị thu hẹp rất nhiều so với năm 2019 và kế hoạch năm 2020, thậm

16/11/2020
1A
1A
1A
1A

chỉ có nhiều tháng giá sản phẩm thấp hơn giá dầu thô, trong đó:

–Đối với Jet A1: Từ tháng 4/2020 đến tháng 9/2020, crack margin luôn âm, thậm chí crack margin tháng 5/2020 là – 6,58 USD/bbl. Từ tháng 10/2020, do nhu cầu sưởi ấm nên giá Jet A1 có dấu hiệu hồi phục, crack margin đã dương (>) và có xu hướng tăng nhưng vẫn ở mức rất thấp. Trung bình crack margin của năm 2020 là – 0,10 USD/bbl.

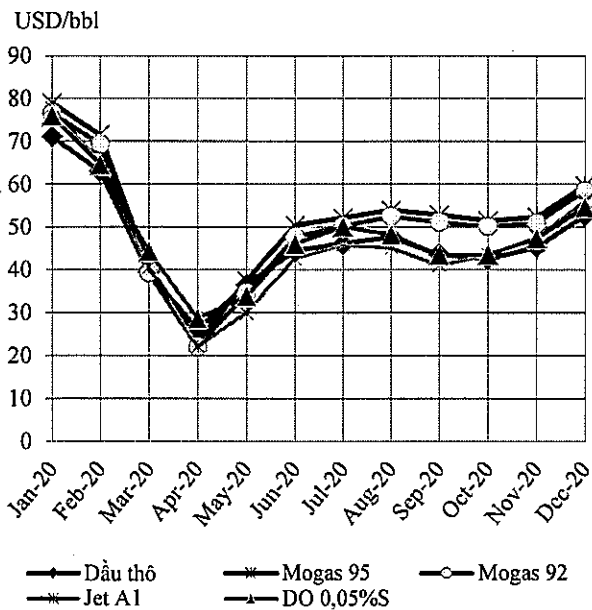
–Đối với DO 0,05%S: Trong năm 2020, có hai tháng crack margin âm là tháng 5/2020 và 9/2020, các tháng còn lại tuy dương nhưng ở mức rất thấp. Trung bình crack margin của năm 2020 là 1,82USD/bbl.

–Đối với Mogas 92: Trong giai đoạn tháng 3/2020 – 5/2020, giá Mogas 92 hầu như thấp hơn giá dầu thô, crack margin trung bình của 03 tháng này là – 2,12 USD/bbl. Từ tháng 6/2020 đến tháng 10/2020, crack margin có xu hướng tăng nhưng từ tháng 11/2020 đến nay lại đảo chiều, có xu hướng giảm. Trung bình crack margin của năm 2020 là 3,69 USD/bbl.

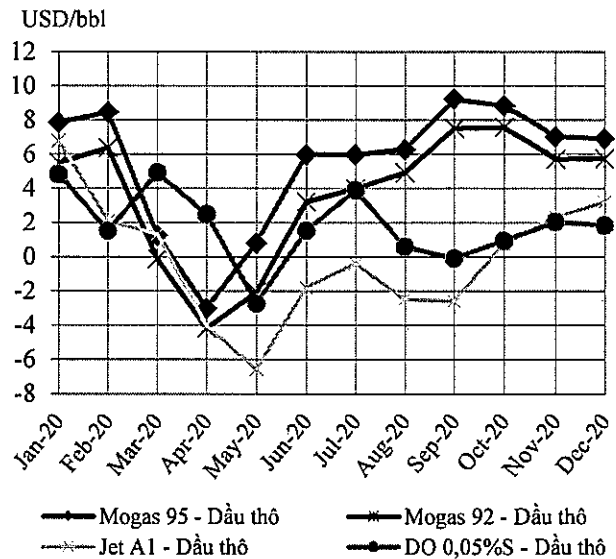
–Đối với Mogas 95: Trong các sản phẩm chính thì Mogas 95 có hiệu quả nhất, tuy nhiên trong tháng 4/2020, crack margin trung bình là – 2,98 USD/bbl. Từ tháng 5/2020, giá xăng Mogas 95 hồi phục, crack margin có xu hướng tăng đến tháng 9/2020, tuy nhiên từ tháng 10/2020 đến nay, crack margin lại có xu hướng giảm. Trung bình crack margin của năm 2020 là 5,48 USD/bbl.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm từ đầu năm đến nay được thể hiện ở các biểu đồ sau:

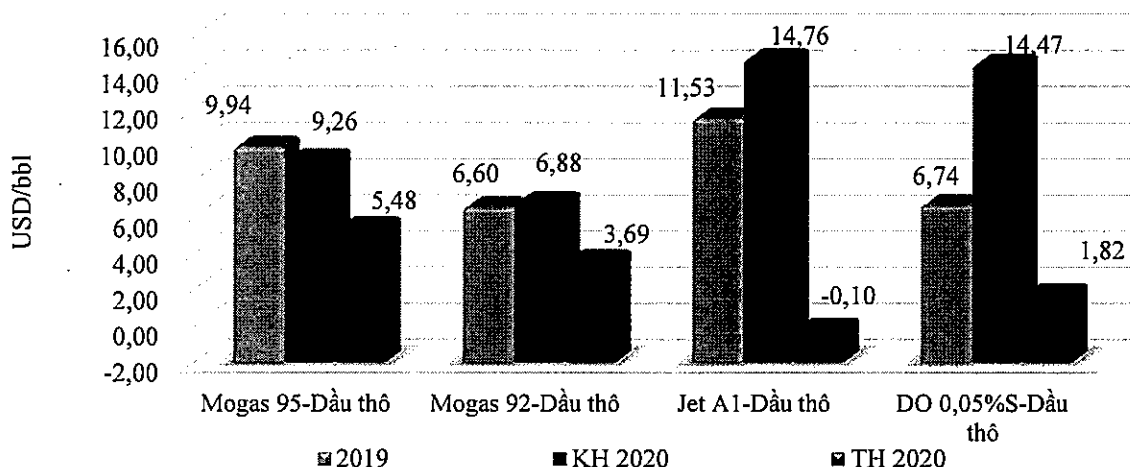
DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NGÀY 31/12/2020



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NGÀY 31/12/2020



CHÊNH LỆCH GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM NĂM 2019 & YTD 2020



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2020 VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC HIỆN NĂM 2020 SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: USD/thùng

Stt	Nội dung	2019	2020		Chênh lệch	
			KH	TH	TH20/TH19	TH20/KH20
1	Dầu thô	69,92	65,62	46,57	-33%	-29%
2	Mogas 95	79,86	74,88	52,06	-35%	-30%
3	Mogas 92	76,53	72,49	50,26	-34%	-31%
4	Jet A1	81,45	80,37	46,47	-43%	-42%
5	DO 0,05%S	76,66	80,09	48,40	-37%	-40%
6	Mogas 95-Dầu thô	9,94	9,26	5,48	-45%	-41%
7	Mogas 92-Dầu thô	6,60	6,88	3,69	-44%	-46%
8	Jet A1-Dầu thô	11,53	14,76	-0,10	-100,9%	-100,7%
9	DO 0,05%S-Dầu thô	6,74	14,47	1,82	-743	-87%

Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

B. Tình hình và kết quả thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tại Nghị quyết số 1872/NQ-BSR ngày 26/5/2020 về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 và căn cứ vào tình hình SXKD thực tế của BSR trong năm 2020, ngày 24/12/2020 Hội đồng quản trị BSR đã ban hành Nghị quyết số 4912/NQ-BSR về việc Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, các chỉ tiêu điều chỉnh cụ thể như sau:

1. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020 Theo NQ 1872/NQ-BSR	KH năm 2020 điều chỉnh
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	80.685,7	56.662,8
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.363,7	-
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.185,3	-
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.404,7	5.684,5
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	3,2	2,3

2. Kế hoạch Công ty mẹ

a) Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020 Theo NQ 1872/NQ-BSR	Kế hoạch năm 2020 điều chỉnh
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	32.640,2	29.202,2
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	80.315,4	56.638,9
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.356,3	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.288,5	-
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.396,2	5.672,2
6	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	Lần	0,61	-
7	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	3%	-

b) Kế hoạch vốn đầu tư

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	KH năm 2020 Theo NQ 1872/NQ-BSR	KH năm 2020 điều chỉnh
1	Nhu cầu đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ	1.124,60	326,33
1.1	Dự án NCMR NMLD	759,00	147,17
1.2	Các dự án đầu tư khác, trong đó:	27,80	3,50
1.3	Mua sắm TTB&TSCĐ	337,80	175,66
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	-	-
2	Nguồn vốn đầu tư	1.124,60	326,33
2.1	Vốn chủ sở hữu	1.124,60	326,33
2.2	Vốn vay và khác	-	-

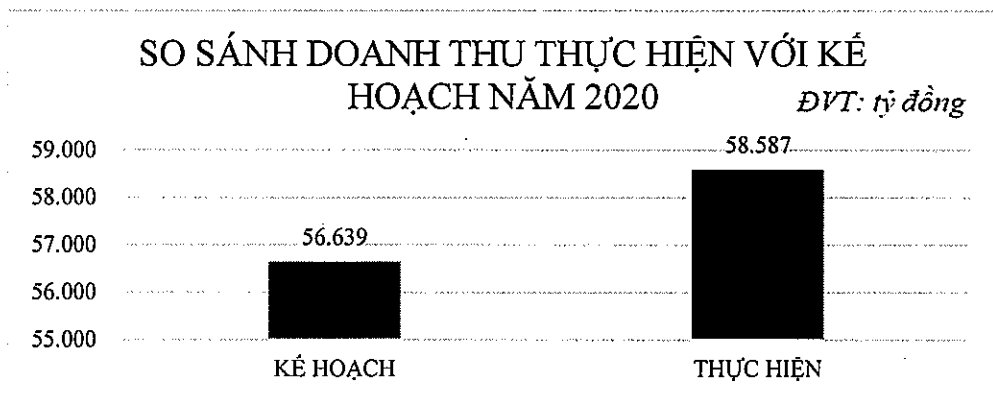
C. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	
				Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện
I Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.941.440	5.563.551	5.930.486
2	Sản lượng tiêu thụ		6.994.597	5.563.551	5.922.021
II Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	103.429	56.663	58.651,1
2	Nộp NSNN		10.321	5.685	6.255,7
3	Lợi nhuận trước thuế		3.054	-	-2.852,4
4	Lợi nhuận sau thuế		2.873	-	-2.858,1
III Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	103.330	56.639	58.586,9
2	Nộp NSNN		10.311	5.672	6.241,5
3	Lợi nhuận trước thuế		3.088	-	-2.812,5
4	Lợi nhuận sau thuế		2.912	-	-2.812,4

So với Kế hoạch SXKD năm 2020 hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Sản lượng sản xuất vượt 6,6% so với kế hoạch, về đích trước 19 ngày.
- Tổng doanh thu công ty mẹ vượt 3,4% so với kế hoạch.



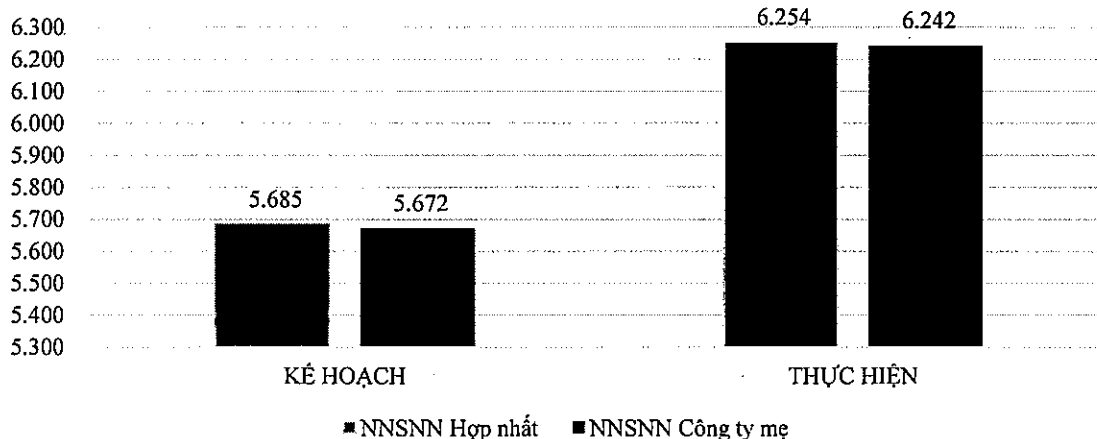
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước công ty mẹ vượt 10% so với kế hoạch.

H/C
OC
BÍ
43

SO SÁNH THỰC HIỆN NNSNN VỚI KẾ HOẠCH NĂM

2020

ĐVT: tỷ đồng



2. Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Công tác đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) của BSR được đảm bảo với kết quả như sau: Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Tính đến hết năm 2020, BSR đạt hơn 29,2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI). Công việc được triển khai chủ động bám sát kế hoạch, chương trình đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên. Công tác quan trắc môi trường tiến hành liên tục, kiểm soát tốt các nguồn thải và tuân thủ yêu cầu pháp luật hiện hành. Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được thực hiện tốt ngay cả trong giai đoạn TA4 (số lượng nhân sự đông, tập trung mật độ cao và có nhiều chuyên gia nước ngoài), đồng thời công tác phòng chống lụt bão cũng được BSR thực hiện rất tốt góp phần giảm thiểu các tổn thất cho Nhà máy đặc biệt là cơn bão số 9 (cơn bão có cường độ mạnh nhất trong hơn 20 năm qua và đi trực diện vào Nhà máy).

3. Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

a) Công tác vận hành

Trong năm 2020, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và liên tục tại 105% công suất thiết kế (không bao gồm giai đoạn bảo dưỡng tổng thể TA4). Công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng, giữ ổn định Nhà máy, đảm bảo không sự cố ảnh hưởng đến vận hành. Đã hoàn thành mục tiêu cho một số hạng mục quan trọng như:

–Chỉ số sẵn sàng vận hành (OA) trong 12 tháng ước đạt 95,6%.

–Kiểm soát các bất thường công nghệ/thiết bị thông qua nhận diện và kiểm soát các mối nguy có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, ổn định vận hành.

–Hoàn thành xuất sắc TA 4 đảm bảo các yêu cầu về an toàn, chất lượng, tiến độ và chi phí tối ưu.

-Linh động điều chỉnh tối ưu thành phần dầu thô chế biến và cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và tối đa lợi nhuận.

b) Bảo dưỡng sửa chữa

Trong năm 2020, Nhà máy đã tổ chức thực hiện thành công TA4 với chi phí thấp hơn 10% so với kế hoạch chi phí được duyệt. Đồng thời, BSR đã thực hiện 55.201 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM) và 4.784 lượt sửa chữa (CM) cho khoảng 24.131 thiết bị đã được quản lý trên hệ thống CMMS với tỷ lệ hoàn thành PM = 95%, CM = 90%. Công tác BDSC thường xuyên đã đạt được các chỉ tiêu đề ra.

4. Kết quả tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí SXKD

a) Tối ưu hóa công nghệ & đa dạng hóa sản phẩm

Trong năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR, trước tình hình đó, BSR đã thực hiện đồng loạt các giải pháp tối ưu hóa vận hành, cụ thể như sau:

-Về công suất và chế độ vận hành Nhà máy: Do diễn biến về giá - cung - cầu dầu thô và sản phẩm hết sức phức tạp, BSR luôn tập trung bám sát diễn biến của thị trường, đánh giá, lựa chọn và tối ưu công suất, chế độ vận hành và cơ cấu sản phẩm để sản xuất các sản phẩm có hiệu quả cao nhất, giảm đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực của thị trường. BSR thường xuyên điều chỉnh tối ưu công suất CDU, tối đa xăng đặc biệt là xăng Mogas 95, hoặc thay đổi điểm cắt tại CDU để tối thiểu sản phẩm JetA1, DO 0,05%S khi crack margin và nhu cầu thị trường xuống thấp, tăng sử dụng phụ gia ZSM5 để tăng sản lượng Propylene (để tăng công suất phân xưởng Polypropylene) và LPG.

-Về dầu thô: BSR đã tiến hành tìm kiếm, đánh giá và đưa vào chế biến thử nghiệm thành công dầu thô mới Sokol (Nga) với tỉ lệ chế biến đạt trên 20% góp phần đa dạng hóa nguồn dầu thô và nâng cao hiệu quả cho Nhà máy.

-Về tối ưu hóa vận hành: Đã nghiên cứu và thực hiện thành công nâng công suất các phân xưởng NHT từ 130% lên 135%, CCR từ 103% lên 110%, ISOMER từ 130% lên 150%, phân xưởng sản xuất PP từ 110% lên 114% công suất thiết kế. Đồng thời, tiến hành vận hành thử nghiệm thành công giảm công suất phân xưởng RFCC xuống 85% để tăng độ linh động vận hành.

-Đã thử nghiệm thành công và đưa vào sử dụng nhiều loại HPXT và phụ gia mới có hiệu quả cao cho NMLD và phân xưởng PP nhằm tăng cạnh tranh, đa dạng hóa nhà cung cấp. Đặc biệt, việc thử nghiệm song song các hóa chất khử nhũ và tách tạp chất rắn (Demulsifier/Solid Removal) tại CDU đã tăng hiệu quả tách Fe/Ca trong dầu thô đầu vào, góp phần giảm khối lượng xúc tác RFCC tiêu thụ xuống còn trung bình 10-11 tấn/ngày so với trước đây từ 12-15 tấn/ngày.

-Về đa dạng hóa sản phẩm: BSR đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá, sản xuất thử nghiệm thành công và xuất bán sản phẩm Treated LCO cho thị trường nước ngoài. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và tìm kiếm đối tác trong ngoài nước cho các sản phẩm mới như: sản phẩm Mixed C4 (tách ra từ sản phẩm LPG hiện hữu), xăng trắng (White Spirit) từ dòng

Kerosene/JetA1 hiện hữu, các sản phẩm Homo của PP. Hơn nữa, BSR đang triển khai nghiên cứu khả năng chế biến các loại condensate (chế biến tại CDU) và cấu tử T-DAO để nâng công suất phân xưởng RFCC.

– Công tác nghiên cứu và sản xuất nhiên liệu cho quốc phòng: Đã thi công hoàn thành 3 đầu chờ kỹ thuật để sản xuất nhiên liệu cung cấp cho Bộ Quốc phòng. Tiếp tục phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Dự án. BSR đang hoàn thiện các thủ tục để xuất bán sản phẩm DO L-62 trong thời gian đến.

b) Tối ưu hóa năng lượng

– Trong năm 2020, BSR luôn thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng năng lượng theo Hệ thống ISO 50001. Hơn nữa, BSR đã tích cực triển khai các giải pháp tối ưu hóa, đến nay đã thực hiện thành công tại hiện trường 13/28 giải pháp, đang triển khai 13/28 giải pháp và 02/28 giải pháp không khả thi về mặt kỹ thuật và/hoặc hiệu quả kinh tế.

– Năm 2020, Nhà máy chịu sự tác động của các yếu tố bất lợi như dịch bệnh Covid-19, thời tiết mưa bão kéo dài dẫn đến công suất của Nhà máy được điều chỉnh cho phù hợp (có nhiều thời điểm giảm xuống đến 75% công suất) cùng với Nhà máy vận hành ở vào cuối chu kỳ bảo dưỡng tổng thể đã làm cho chỉ số hiệu quả năng lượng (EII) trung bình 11 tháng đầu năm 2020 của BSR là 107,1%, cao hơn so với năm 2019 là 106,3% (và thấp hơn mục tiêu đã được phê duyệt 108%). Sau TA4, chỉ số EII của Nhà máy đã giảm đáng kể trong khoảng 103 – 104%. Trong thời gian tới, chỉ số EII dự kiến khoảng 101 – 102%.

c) Tiết giảm chi phí

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu trong năm 2020, BSR đã chủ động rà soát và tiết giảm tối đa các chi phí có thể. Kết quả đạt được như sau: chi phí SXKD phát sinh trong kỳ (không bao gồm chi phí dầu thô) đã thực hiện thấp hơn 23,2% (tương ứng giảm 2.226,74 tỷ đồng) so với Kế hoạch đã được Tập đoàn chấp thuận và thấp hơn 9,5% (tương ứng giảm 771,85 tỷ đồng) so với Kế hoạch sau khi tiết giảm.

5. Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

a) Cung cấp dầu thô

Năm 2020, BSR mua khoảng 6,45 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông) là 4,35 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Bonny Light và Sokol) là 2,1 triệu tấn.

b) Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2020 thể hiện ở bảng sau:

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
1	Polypropylene	Tấn	140.690	155.586	110,6%
2	LPG	Tấn	402.238	398.309	99,0%

LI
TIN
S.C.C.

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	37.456	39.329	105,0%
4	Xăng RON 91/92	Tấn	669.778	786.343	117,4%
5	Xăng RON 95	Tấn	1.367.023	1.666.724	121,9%
6	Jet A1	Tấn	468.088	199.545	42,6%
7	Diesel Oil	Tấn	2.342.011	2.469.785	105,5%
8	FO/MFO	Tấn	133.271	145.221	109,0%
9	Treated LCO	Tấn	-	58.789	-
10	Lưu huỳnh	Tấn	2.996	2.391	79,8%
	TỔNG		5.563.551	5.922.021	106,4%

Năm 2020, sản phẩm xăng dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề do tác động của dịch bệnh Covid -19 nên nhu cầu thị trường giảm mạnh, đặc biệt là giai đoạn cuối tháng 2/2020 đến giữa tháng 4/2020. Giai đoạn này các đầu mối gặp khó khăn về sức chứa nên đã có tình trạng giãn kế hoạch tiếp nhận hàng. Tồn kho sản phẩm của BSR ở mức rất cao, đối diện với nguy cơ tank top, đặc biệt là mặt hàng xăng. BSR đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp bên cạnh việc bám sát thị trường, như thường xuyên trao đổi đơn đốc khách hàng nhận hàng đồng thời tăng cường bán spot, bán bổ sung term để giảm áp lực tồn chứa và hạn chế ảnh hưởng giảm giá hàng tồn kho, nỗ lực mở rộng các hợp đồng mini-term. Giảm công suất và duy trì mở mức hợp lý, tổ chức gửi kho 30.000 m3 xăng trong tháng 3-4/2020 để đảm bảo khả năng tồn chứa và tránh dừng nhà máy do không còn khả năng lưu chứa (tanktop).

Thị trường dần hồi phục vào đầu tháng 5/2020, giá dầu thô, sản phẩm tăng dần đến tháng 8/2020, khách hàng đã tăng cường nhận hàng trở lại. BSR đã thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả SXKD như linh hoạt kế hoạch sản xuất, tối ưu công suất, chế độ vận hành, cơ cấu sản phẩm và linh hoạt trong công tác điều độ tồn kho cũng như xuất bán sản phẩm xăng dầu.

Từ cuối tháng 8/2020 đến hết năm 2020, sản phẩm tiêu thụ tiếp tục chịu tác động của dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần hai lan rộng nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ và châu Âu. Từ đầu tháng 9/2020 đến đầu tháng 11/2020, giá dầu thô, sản phẩm đảo chiều giảm giá do nhu cầu thấp.

Tình hình nhận xăng dầu tháng 11/2020 và đầu tháng 12/2020 tốt lên hẳn so với trước đó, tuy nhiên do thời tiết xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ xuất bán sản phẩm.

6. Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

a) Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

ĐVT: tỷ đồng

Kho	Số tồn ngày 31/12/2020
Kho vật tư, phụ tùng	1.623,79

Kho	Số tồn ngày 31/12/2020
Kho dầu mỡ bôi trơn	9,73
Kho xúc tác hóa phẩm	147,07
Kho hóa chất thí nghiệm	4,67

b) Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tại thời điểm 31/12/2020 là 207,35 nghìn tấn dầu thô và khoảng 68 nghìn tấn sản phẩm các loại.

D. Triển khai vốn đầu tư

1. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư

Theo kế hoạch được duyệt, năm 2020 BSR triển khai các dự án đầu tư chuyên tiếp (01 dự án nhóm A và 01 dự án nhóm C); chuẩn bị đầu tư (01 dự án nhóm B và 01 dự án nhóm C) và các hạng mục mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị với giá trị kế hoạch là 326,3 tỷ đồng. Kết quả thực hiện chi tiết như sau:

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH năm 2020 (Điều chỉnh)	TH năm 2020	% TH so với KH
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	326,30	137,00	42,0%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	147,20	66,91	45,5%
2	Các dự án đầu tư khác, trong đó:	Tỷ đồng	3,50	1,96	56,0%
2.1	+ Các dự án chuyên tiếp năm 2019	Tỷ đồng	2,10	1,96	93,3%
2.2	+ Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2020	Tỷ đồng	1,40	-	-
3	Mua sắm tài sản cố định	Tỷ đồng	175,70	68,13	38,8%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	326,30	99,46	30,5%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	326,30	99,46	30,5%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-

2. Tình hình thực hiện các dự án lớn

a) Dự án NCMR NMLD Dung Quất:

–Gói thầu EPC: Đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu EPC giai đoạn 2.

–Công tác thu xếp tài chính: Nhà thầu tư vấn thu xếp tài chính đã báo cáo phương án thu xếp vốn sơ bộ, BSR đang trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định làm cơ sở triển khai bước tiếp theo.

–Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, tái định cư (Tiểu dự án): Đã hoàn thành việc chi trả tiền bồi thường và nhận bàn giao mặt bằng ngày 12/6/2020.

–Công tác rà phá bom mìn, vật nổ (RPBM): Đã hoàn thành RPBM trên 95% diện tích trên bờ (108,2ha), 5% diện tích trên bờ còn lại sẽ được triển khai cùng đợt thi công rà phá bom mìn dưới nước.

–Công tác san lấp, chuẩn bị mặt bằng: Đang hoàn thành các thủ tục cần thiết để phát hành lựa chọn nhà thầu triển khai phù hợp với tiến độ gói thầu EPC.

- Tư vấn quản lý dự án (PMC): Đang hoàn thành các thủ tục cần thiết để phát hành lựa chọn nhà thầu triển khai phù hợp với tiến độ gói thầu EPC.

b) Dự án Đầu tư xây dựng trạm điện 110/22KV kết nối EVN về NMLD: Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành và trình Báo cáo nghiên cứu khả thi cho BSR, hiện BSR đang tổ chức thẩm tra, thẩm định theo quy định hiện hành trước khi trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

E. Phân tích, đánh giá

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2020 là -2.812,4 tỷ đồng. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cụ thể như sau:

1. Sản lượng

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt 5,92 triệu tấn, vượt 6,4% kế hoạch năm nên đã làm tăng doanh thu của Công ty.

2. Thị trường dầu mỏ

Trong năm 2020, giá dầu thô và sản phẩm không thuận lợi cho hoạt động lọc dầu khiến hiệu quả SXKD của Công ty bị suy giảm.

3. Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành

Đề ứng phó với ảnh hưởng tiêu cực từ tác động kép do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm, từ đầu năm đến nay, BSR chủ động rà soát, cắt giảm, tối ưu và kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD. Giá thành sản xuất bình quân thực hiện năm 2020 thấp hơn so với giá thành Kế hoạch năm 2020 và cùng kỳ năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Chi tiết	Năm 2019 (đồng/tấn SP)	KH năm 2020 (đồng/tấn SP)	TH năm 2020 (đồng/tấn SP)	TH 2020 so với KH năm 2020		TH năm 2020 so với năm 2019	
					(+)(tăng/(-) giảm) (đồng/tấn SP)	%	(+)(tăng/(-) giảm) (đồng/tấn SP)	%
1	Giá thành sản xuất bình quân NMLD	14.028.465	13.592.494	9.882.722	-3.709.772	-27%	-4.145.743	-30%
1.1	Dầu thô	13.356.029	12.714.334	9.246.688	-3.467.646	-27%	-4.109.341	-31%
1.2	Chi phí khác	672.436	878.160	636.034	-242.126	-28%	-36.402	-5%
2	Giá thành sản xuất bình quân NMPP	24.849.212	25.888.664	18.072.915	-7.815.749	-30%	-6.776.297	-27%
2.1	Propylene	21.172.210	21.149.756	15.073.465	-6.076.291	-29%	-6.098.745	-29%
2.2	Chi phí khác	3.677.002	4.738.908	2.999.450	-1.739.458	-37%	-677.552	-18%

PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, BSR nhận thức rõ còn tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn đối với Công ty bao gồm:

– Tiếp tục chịu ảnh hưởng tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và biến động giá dầu thô/sản phẩm.

– Giá dầu thô và sản phẩm vẫn tiếp tục diễn biến thất thường, khó dự báo và theo hướng bất lợi cho ngành công nghiệp lọc dầu nói chung và BSR nói riêng.

– Chịu sự cạnh tranh khốc liệt ngay trong thị trường nội địa với nguồn xăng dầu nhập khẩu từ các nước Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ NMLD Nghi Sơn.

– Nhà máy đã có thời gian vận hành trên 10 năm liên tục nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được chú trọng kiểm tra, giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa một cách thường xuyên, liên tục.

– Khối lượng dầu thô Bạch Hổ ngày càng giảm, chất lượng không ổn định.

– Khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư cho Dự án NCMR NMLD Dung Quất.

Để vượt qua những khó khăn, thách thức, BSR đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện trong năm 2021 cụ thể như sau:

A. Nhiệm vụ chủ yếu

1. Về công tác an ninh, an toàn sản xuất kinh doanh

a) Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường và tối đa hóa hiệu quả SXKD của BSR.

b) Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường của Nhà máy cũng như của BSR.

2. Về công tác vận hành Nhà máy và sản xuất sản phẩm

a) Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy. Xây dựng chiến lược dầu thô giai đoạn (tối thiểu từ 3-5 năm) và triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm) cho 50%-80% nhu cầu dầu thô chế biến của Nhà máy.

b) Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế (spare part), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

c) Thường xuyên theo dõi, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị/hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.

d) Nâng cao năng lực và giải pháp khoa học để góp phần nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

e) Xây dựng phương án SXKD dự phòng cho trường hợp Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 bắt đầu được thực hiện từ ngày 01/01/2022.

3. Đối với công tác quản trị doanh nghiệp

a) Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng hệ thống ERP của BSR.

b) Khẩn trương xây dựng mô hình quản trị rủi ro toàn diện cho hoạt động SXKD của Công ty, làm cơ sở chuẩn mực để ứng dụng kịp thời cho hệ thống quản lý và vận hành NMLD Dung Quất, giảm thiểu sự bị động cho công tác quản trị của BSR.

c) Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước nhằm xây dựng phương án mua dầu thô, sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

d) Thường xuyên rà soát, nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tiết giảm chi phí SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

4. Về Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

a) Lập kế hoạch cân đối nguồn vốn báo cáo các cấp có thẩm quyền, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu tư trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

b) Tiếp tục đánh giá hiệu quả đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất và triển khai công tác thu xếp vốn cũng như các nhiệm vụ khác liên quan đến Dự án. Báo cáo cấp thẩm quyền xem xét quyết định đầu tư cuối cùng cho dự án.

5. Về công tác tái cấu trúc

a) Sẵn sàng các thủ tục để: (i) hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR; (ii) thoái vốn tại PMS, PVOS ngay sau khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền; (iii) tiếp tục triển khai công tác thoái vốn của BSR tại PVBuilding.

b) Tiếp tục tìm kiếm các đối tác đầu tư mua phần vốn góp của Tập đoàn tại BSR sau khi có chấp thuận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

6. Các nhiệm vụ khác

a) Tiếp tục bám sát các cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tạo Oceanbank, các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR, miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v...

b) Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

B. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021**1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ**

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	
			Sản xuất	Tiêu thụ
1.	Polypropylene	Tấn	164.636	164.636
2.	LPG	Tấn	443.477	443.477
3.	Xăng E5 RON 92	Tấn	44.054	44.054
4.	Xăng RON 91/92	Tấn	625.399	625.399
5.	Xăng RON 95	Tấn	2.103.264	2.103.264
6.	Jet A1	Tấn	540.899	540.899
7.	Diesel Oil	Tấn	2.409.712	2.409.712
8.	FO/Marine FO	Tấn	162.706	162.706
9.	Lưu huỳnh	Tấn	3.440	3.440
10.	TỔNG	Tấn	6.497.587	6.497.587

2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	70.898,3	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	871,4	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	870,0	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.706,5	
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	4,1	

3. Kế hoạch Công ty mẹ**a) Kế hoạch tài chính**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Ghi chú
1.	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	30.658,3	
	– Vốn điều lệ cuối kỳ	Tỷ đồng	31.005	
	– Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn	%	92,12	
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	70.660,6	
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	864,3	

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Ghi chú
4.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	864,3	
5.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	2,8	
6.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	2,8	
7.	Tỷ lệ chia cổ tức/ Vốn điều lệ	%	-	
8.	Hệ số nợ/ vốn điều lệ	Lần	<3	

Ghi chú: Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 45\$US/thùng.

b) Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	938,77
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	631,38
b	Mua sắm TTB/TSCĐ	Tỷ đồng	307,39
c	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên		-
2	Tổng nhu cầu đầu tư XDCB (dự phòng) (*)	Tỷ đồng	4.884,46
3	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	5.823,23
a	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	5.823,23
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

Ghi chú:

(*): BSR thực hiện mục tổng nhu cầu đầu tư dự phòng năm 2021 sau khi Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) và phương án thu xếp vốn cho dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các quyết định pháp luật hiện hành;

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch SXKD 2021, báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất và công bố, công khai minh bạch thông tin theo quy định.

C. Tình hình SXKD Quý I/2021

Ước kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2021 như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện Quý I/2021	TH Quý 1/ KH 2021	TH Quý 1/ KH Quý 1
			Năm 2021	Quý I/2021			
I	Sản lượng						
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.497.587	1.602.145	1.745.859	27%	109%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.497.587	1.602.145	1.556.132	24%	97%
II	Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	70.661	17.421	21.234	30%	122%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	864	211	1.871	216%	887%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	864	211	1.870	216%	887%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.698	1.898	2.246	29%	118%

Tính đến thời điểm hiện tại, diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm đã từng bước được kiểm soát theo hướng tích cực, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu và giá dầu thô đang từng bước phục hồi.

D. Giải pháp thực hiện

– Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng bộ, giữa HĐQT và Ban TGD để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.

– Tập trung nguồn lực để đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và liên tục ở công suất và cơ cấu sản phẩm tối ưu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ độ tin cậy thiết bị/ hệ thống, phát hiện sớm các mối nguy; đồng thời có các giải pháp phù hợp để xử lý, giảm thiểu các mối nguy.

– Không ngừng nghiên cứu và tối ưu hoá các điều kiện vận hành, cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu và nhu cầu thị trường; tối ưu hoá xúc tác hoá phẩm, tiêu hao vật tư và phụ tùng thay thế; tối ưu hoá tiêu thụ năng lượng phụ trợ (giảm EII), lưu kho (vật tư và phụ tùng thay thế, dầu thô và sản phẩm); giảm thiểu hao hụt và mất mát, v.v...theo đó, thường xuyên cập nhật hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật liên quan theo kết quả tối ưu để làm cơ sở kiểm soát và tiếp tục tối ưu ở mức cao hơn.

– Bám sát các cấp thẩm quyền, PVN để kịp thời hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách cho BSR.

– Thường xuyên bám sát dự báo và tình hình thị trường, không ngừng nâng cao năng lực phân tích, đánh giá và dự báo theo thực tế SXKD của BSR để đưa ra các thông tin dự báo phù hợp, tin cậy làm cơ sở cho công tác điều hành SXKD, tối ưu hoá công suất và cơ cấu các sản phẩm nhằm bảo đảm hiệu quả SXKD tối đa cho BSR.

– Xây dựng chiến lược mua dầu thô và bán sản phẩm theo hướng đối tác chiến lược dài hạn và các bên cùng có lợi. Trong đó, phần đầu (với sự hỗ trợ của PVN) ký được các hợp đồng mua dầu thô trong nước dài hạn (3-5 năm) với VSP/PVEP/PVOil.

– Thường xuyên nghiên cứu thị trường và hệ thống thiết bị/ máy móc của Nhà máy để tăng cường khả năng xuất/nhập các sản phẩm/ cấu tử trung gian góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

–Giao và kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí (SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ) cho từng Ban chức năng để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch/mức phấn đấu được giao. Đồng thời, thường xuyên tổ chức rà soát để tìm kiếm các cơ hội tiết giảm chi phí góp phần giảm giá thành sản phẩm.

–Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu trong hoạt động SXKD.

–Xây dựng và triển khai chiến lược mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ kỹ thuật phục vụ SXKD và quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ pháp luật cao; đáp ứng tiến độ mua sắm và chất lượng hàng hoá, dịch vụ; và đảm bảo tính cạnh tranh ngày càng cao góp phần tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả SXKD

–Sử dụng công cụ, kênh truyền thông đa dạng giúp công ty chủ động giao tiếp với cộng đồng, nhà đầu tư.

–Hoàn thiện hệ thống truyền thông (nhất là truyền thông nội bộ) song song với việc xây dựng văn hoá nền tảng cho BSR dựa trên việc tổ chức đào tạo và áp dụng 7 thói quen hiệu quả vào thực tế công việc.

15/11/2017

**PHỤ LỤC 03 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Ngay từ đầu năm 2020, nhận thức sâu sắc những khó khăn mà Công ty sẽ phải đối mặt trong bối cảnh chung của ngành lọc dầu và BSR nói riêng do ảnh hưởng tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, giá dầu thô và sản phẩm biến động bất thường với biên độ lớn, khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô bị thu hẹp nhiều so với kế hoạch, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh trong nước, khu vực và toàn thế giới, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp quyết liệt, thiết thực để tháo gỡ khó khăn, trong đó tập trung giải quyết những vấn đề có tác động lớn đến chiến lược, việc thực hiện các mục tiêu năm 2020 và mục tiêu chung nhiệm kỳ 2018-2022.

Trong năm 2020, HĐQT đã đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả các công cụ quản trị hiện đại, tận dụng tối đa những thuận lợi và có các giải pháp thiết thực trên các lĩnh vực hoạt động để triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD), kịp thời đối phó với khó khăn do tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2020 Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn nhà máy lọc dầu; mở rộng nguồn dầu thô và chế biến thành công dầu thô Sokol (Nga); đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán 02 sản phẩm mới là Treated LCO và Polypropylene chủng loại Homo Yarn T3050.

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh

- Năm 2020, BSR đã triển khai thành công công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4), Nhà máy vận hành an toàn, ổn định ở công suất cao đạt trung bình khoảng 105% so với thiết kế (không bao gồm giai đoạn TA4), góp phần quan trọng hoàn thành chỉ tiêu sản xuất năm 2020 sớm 19 ngày so với kế hoạch. Tính đến ngày 31/12/2020 BSR đạt được mốc 29,2 triệu giờ công an toàn.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2020 theo Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH năm 2020 so với KH năm 2020
A	B	C	1	2	3=2/1
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	5.563.551	5.930.486	106,6%

9-C
AU
N
NG

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH năm 2020 so với KH năm 2020
A	B	C	1	2	3=2/1
2	Sản lượng tiêu thụ		5.563.551	5.922.021	106,4%
II Chỉ tiêu tài chính					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	56.663	58.651	103,5%
2	Lợi nhuận sau thuế		-	-2.858	
3	Nộp NSNN		5.685	6.256	110,0%

2. Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra

2.1. Công tác chiến lược, kế hoạch:

– Thực hiện Nghị quyết số 1872/NQ-BSR của ĐHĐCĐ, trong năm 2020 BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy đảm bảo an toàn, ổn định và tối ưu; nắm bắt thị trường để nâng cao hiệu quả công tác kinh doanh; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; tích cực triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; tăng cường tự chủ trong công tác bảo dưỡng sửa chữa bằng chính nội lực của BSR; cắt giảm chi phí hoạt động; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty cổ phần; nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, điển hình là đã đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử.

– Việc chế biến thành công dầu thô Sokol (Nga) giúp BSR mở rộng nguồn cung cấp dầu thô trữ lượng lớn, sản lượng cao, chất lượng và giá cả hợp lý; Công tác tiết giảm chi phí và việc ứng dụng số hóa trong quản trị điều hành là những điểm nhấn nổi bật của BSR trong năm 2020.

2.2. Công tác quản trị:

– Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các quy trình quản lý/quản trị, cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

– Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Trong năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nên Công ty đã tiết giảm kinh phí đào tạo khoảng 50% so với kế hoạch ban đầu. Công ty đã tăng cường áp dụng CNTT trong công tác đạo như đào tạo trực tuyến trên hệ thống E-learning, E-testing. Công ty đã thực hiện được 98 khóa đào tạo cho 8.336 lượt người, đạt 112% số lượt người so với kế hoạch cả năm đã được phê duyệt. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 5,64 tỷ đồng.

– Các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại nhà máy phù hợp với các cải tiến công nghệ tại nhà máy và kiểm soát chính xác tiêu hao. Tiêu hao năng lượng, hóa chất, vật tư đều thấp hơn so với định mức.

– Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao sức khỏe cho người lao động của BSR đã đang được triển khai mạnh mẽ và có sức lan tỏa rất cao thông qua chương trình đào tạo 7 thói quen hiệu quả, các phong trào thi đua như “51 ngày đêm hoàn thành

bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4 NMLD Dung Quất”, phong trào Lao động sáng tạo, Giải chạy bộ - đi bộ “Ready for TA4”, giải chạy bộ mùa Xuân 2021, cập nhật triển khai 5S toàn Công ty.

2.3. Công tác khác:

– Công tác niêm yết cổ phiếu BSR tại Sàn giao dịch Chứng khoán: Thực hiện chủ trương niêm yết cổ phiếu BSR đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT đã phê duyệt Kế hoạch niêm yết cổ phiếu BSR tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội năm 2020. Ngày 29/5/2020, BSR đã nộp Hồ sơ đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Do những tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và biến động của giá dầu thế giới đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty trong năm 2020 dẫn đến năm 2020 công ty chưa đáp ứng được điều kiện niêm yết tại HNX theo quy định, Công ty đã chủ động xin rút hồ sơ niêm yết, HNX đã công bố việc BSR rút Hồ sơ niêm yết vào ngày 25/11/2020.

– Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ vấn đề an toàn và môi trường là vấn đề quan trọng của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. Công tác kê khai, nộp phí nước thải và báo cáo định kỳ về môi trường được thực hiện đầy đủ. Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

– BSR đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp triệt để đối phó với dịch bệnh Covid-19 nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động, xây dựng các phương án và triển khai nhiều biện pháp phòng chống dịch trong đợt Bảo dưỡng tổng thể lần 4. Đến nay công tác phòng chống dịch vẫn được nghiêm túc thực hiện phù hợp và đáp ứng chỉ đạo của Nhà nước và các cơ quan thẩm quyền, đảm bảo an toàn cho nguồn nhân lực thực hiện vận hành Nhà máy. Đến hết năm 2020, BSR không có trường hợp mắc bệnh Covid-19.

– Ngoài ra, thực hiện chủ trương lớn của Công ty là phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội (ASXH), BSR thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Chương trình ASXH năm 2020-2021 có tổng kinh phí: 35 tỷ đồng. BSR đang tích cực phối hợp với các đơn vị nhận tài trợ hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để giải ngân kinh phí. Công ty thực hiện các chương trình ASXH, quan hệ cộng đồng khác như: Tổ chức chương trình Tết vì người nghèo năm 2020, trao học bổng khuyến học, khuyến tài, cứu trợ đồng bào lũ lụt... với tổng kinh phí hơn 3 tỷ đồng.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phương thức giám sát:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc (TGD) trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2020 như sau:

– Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2020 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.

– Cử đại diện tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ, chỉ đạo và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

– Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty.

– Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề.

2. Kết quả giám sát:

Năm 2020, HĐQT đánh giá Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

– Ban TGD đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.

– BSR đạt được các chỉ tiêu cơ bản theo theo kế hoạch của năm, triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp ứng phó với tác động kép giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19. Thực hiện thành công công tác TA4, Nhà máy lọc dầu Dung Quất được vận hành hiệu quả, an toàn, ổn định.

– Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.

– Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018-2022 có 6 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 04 Thành viên không điều hành, trong đó có 02 Thành viên độc lập.

Stt	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1.	Lê Xuân Huyền	Chủ tịch			(*)
2.	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	837.334.898	10.400	27% Vốn Điều lệ
3.	Bùi Minh Tiến	Thành viên	1.240.199.846	42.000	40% Vốn Điều lệ
4.	Nguyễn Quang Hòa	Thành viên			(*)
5.	Hà Đồng	Thành viên	465.074.942	2.000	15% Vốn Điều lệ
6.	Khương Lê Thành	Thành viên	313.770.561	3.400	10,12% Vốn Điều lệ
7.	Nguyễn Bá Phước	Thành viên	0	0	Thành viên độc lập
8.	Nguyễn Hải Âu	Thành viên	0	10.000	Thành viên độc lập

(*) ĐHCĐ miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với các ông Lê Xuân Huyền và ông Nguyễn Quang Hòa theo Nghị quyết số 319/NQ-ĐHCĐ ngày 04/02/2020.

2. Hoạt động của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; HĐQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban TGD; các thành viên HĐQT cùng thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo việc ban hành kịp thời các văn bản quản lý nội bộ quan trọng của BSR như Quy chế mua sắm, Quy chế quản lý đầu tư, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý vốn... để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo thông lệ và quy định pháp luật hiện hành; Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát định kỳ một số mảng công tác của Ban Điều hành như Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của BSR; Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Quy trình vay vốn ngắn hạn và Quy trình đầu tư tiền gửi; Kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng vốn vay BSR của BSR-BF; Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao của Văn phòng Công ty.

Năm 2020, HĐQT đã thực hiện 24 cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm; rà soát định hướng chiến lược của Công ty; bàn các giải pháp ứng phó với tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, ... bao gồm một số nội dung chính như: (i) chỉ đạo thực hiện thành công công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 4 đúng tiến độ đề ra; (ii) chiến lược triển khai dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất; (iii) tiếp tục chỉ đạo xử lý các vấn đề của dự án nhiên liệu sinh học tại BSR-BF; (iv) chỉ đạo thực hiện niêm yết cổ phiếu BSR tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; (v) các giải pháp ứng phó với biến động của thị trường dầu mỏ và dịch bệnh Covid-19; (vi) văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; (vii) công tác mua dầu thô dài hạn; (viii) Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật công nghệ đáp ứng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg; (ix) khả năng phát triển, tiêu thụ các sản phẩm mới của Công ty; (x) chủ trương hợp tác với EMEPL về việc nghiên cứu khả năng mua Condensate từ dự án Cá Voi Xanh về chế biến tại Nhà máy. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

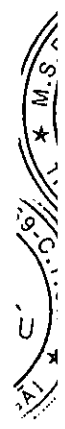
Năm 2020, HĐQT đã ban hành 36 nghị quyết và 163 quyết định, trong đó có các nghị quyết/quyết định quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	04912/NQ-BSR	24/12/2020	Nghị quyết về việc Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
2.	04809/NQ-BSR	16/12/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 3.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
3.	04730/QĐ-BSR	09/12/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của BSR

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
4.	04645/NQ-BSR	02/12/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
5.	04637/NQ-BSR	01/12/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd - CN TP Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
6.	04399/QĐ-BSR	04/11/2020	QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quy chế đào tạo của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn
7.	04242/NQ-BSR	16/10/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh TP Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
8.	04241/NQ-BSR	16/10/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 1.500 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
9.	03958/QĐ-BSR	16/09/2020	QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quy chế kinh doanh sản phẩm của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
10.	03809/NQ-BSR	28/08/2020	QĐ về việc thu hồi các khoản vay tại BSR-BF và thanh quyết toán dự án NM NLSH Dung Quất
11.	02869/NQ-BSR	10/08/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chương trình An sinh xã hội của BSR năm 2020-2021
12.	02877/QĐ-BSR	10/08/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi tập thể của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn
13.	02701/NQ-BSR	29/07/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn 6.000 tỷ đồng với Ngân hàng TMCP Công thương VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
14.	02646/NQ-BSR	27/07/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
15.	02580/NQ-BSR	17/07/2020	Nghị quyết v/v ban hành các Quy định áp dụng cho CBCNV thuộc Ban NCMR NMLD Dung Quất (DQRE)
16.	02562/NQ-BSR	17/07/2020	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
17.	02513/QĐ-BSR	15/07/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế Người đại diện của BSR tại các Công ty con/công ty liên kết
18.	02439/QĐ-BSR	08/07/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế quản lý vốn của công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn đầu tư vào doanh nghiệp khác

1/8
 IT
 1A
 4D
 307
 1/1

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
19.	02086/NQ-BSR	16/06/2020	QĐ Về việc nghiên cứu các giải pháp đáp ứng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg
20.	02073/NQ-BSR	12/06/2020	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
21.	02070/NQ-BSR	12/06/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 tạm thời của BSR
22.	02000/QĐ-BSR	05/06/2020	QĐ về việc ban hành "Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của BSR"
23.	01879/NQ-BSR	27/05/2020	Nghị quyết về việc thực hiện niêm yết cổ phiếu của BSR tại Sở giao dịch chứng khoán
24.	01872/NQ-BSR	26/05/2020	Nghị quyết Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
25.	01804/NQ-BSR	18/05/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
26.	01592/NQ-BSR	23/04/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
27.	01576/QĐ-BSR	23/04/2020	QĐ Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
28.	01548/NQ-BSR	21/04/2020	Nghị quyết v/v KH tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP LHD Bình Sơn
29.	01309/NQ-BSR	01/04/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 2.800 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
30.	01217/NQ-BSR	27/03/2020	Nghị quyết v/v hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP LHD Bình Sơn
31.	01035/NQ-BSR	13/03/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung
32.	00744/NQ-BSR	11/03/2020	Nghị quyết về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020
33.	00726/NQ-BSR	10/03/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR



Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
34.	00702/NQ-BSR	06/03/2020	Nghị quyết về việc chương trình làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2020
35.	00659/NQ-BSR	04/03/2020	Nghị quyết v/v KH tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP LHD Bình Sơn
36.	00622/NQ-BSR	28/02/2020	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
37.	00614/NQ-BSR	27/02/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
38.	00510/NQ-BSR	18/02/2020	Nghị quyết v/v phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn 24 triệu USD với Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
39.	00338/NQ-BSR	06/02/2020	Nghị quyết v/v phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
40.	00319/NQ-BSR	04/02/2020	Nghị quyết về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn nhiệm kỳ 2018-2022
41.	00294/NQ-BSR	03/02/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
42.	0185./NQ-BSR	17/01/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
43.	00017/NQ-BSR	02/01/2020	Nghị Quyết phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 tạm thời của BSR

3. Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT:

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2020, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, kinh doanh dầu thô, sản phẩm, thương mại, dự án đầu tư, an ninh an toàn, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT đã tập trung xem xét chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, bao gồm: ứng phó với tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, rà soát lại chiến lược phát triển/tầm nhìn của Công ty, thực hiện công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, cải thiện chất lượng công tác pháp chế và quản lý rủi ro, triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cập nhật chiến lược dầu thô, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, tối ưu hóa công suất Nhà máy, nâng cao công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin...

Năm 2020, HĐQT Công ty làm việc theo nguyên tắc các thành viên HĐQT cho ý kiến tất cả các vấn đề mà HĐQT xử lý. Đa số các thành viên HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên trách nên nắm bắt kịp thời, sát sao tình hình hoạt động của Công ty, thường xuyên chỉ đạo và cho ý kiến/biểu quyết độc lập đối với các nội dung/tờ trình do Ban TGD trình. HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT

được thành viên HĐQT xem xét cẩn thận, giám sát, chỉ đạo hoạt động Ban TGD và được ban hành dưới các hình thức văn bản nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban và Ban TGD và Ban Kiểm soát.

Những thành viên HĐQT là đại diện cho phần vốn Nhà nước, ngoài nhiệm vụ tuân thủ các quy định của pháp luật và chế độ quản trị doanh nghiệp thì thành viên HĐQT còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn vốn Nhà nước. Trong năm 2020, các thành viên HĐQT đã cùng với Ban TGD Công ty đã hết sức nỗ lực trong việc áp dụng những giải pháp linh hoạt kịp thời ứng phó với các tác động không thuận lợi của thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực và đem lại các kết quả tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Các thành viên HĐQT độc lập của BSR có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực chuyên môn phù hợp với các yêu cầu của Công ty cũng như trong lĩnh vực được phân công. Các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT độc lập trong lĩnh vực được phân công trong năm 2020 đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm cao, đảm bảo sự khách quan và độc lập.

5. Đào tạo về quản trị Công ty:

Năm 2020, do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên BSR hạn chế tham gia trực tiếp các khóa đào tạo mới về Quản trị công ty. Tất cả các thành viên liên quan đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và đã được đào tạo về quản trị Công ty.

6. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan:

Trong năm 2020, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Công ty không có thông tin về cổ phần gián tiếp của Cổ đông lớn và người nội bộ.

7. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2020, HĐQT phê duyệt giao dịch của Công ty với Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building). Ông Trần Đoàn Thịnh - Phó Tổng Giám đốc BSR là Thành viên Hội đồng quản trị PV Building. Chi tiết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1.	04949/QĐ-BSR	25/12/2020	Phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Danh sách Tổ đàm phán gói thầu "Thuê dịch vụ quản lý khu nhà ở Vạn Tường của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn theo Đơn hàng số 113/ĐH-VP"

30
CÔ
:0
2 H
NH
UAN

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
2.	04979/QĐ-BSR	28/12/2020	Phê duyệt PVCV, DT, KH triển khai gói thầu "Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo ĐH số 338/20-2509/ĐH-DDSX"
3.	04987/QĐ-BSR	28/12/2020	Phê duyệt PVCV, DT, KH triển khai gói thầu "Mua Pallet để đóng gói kiện sản phẩm tại phân xưởng PP theo ĐH số 433/20-2510/ĐH-DDSX"

8. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

9. Công tác cán bộ:

Trong năm 2020, HĐQT đã ra quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Bùi Ngọc Dương (tháng 02/2020), ông Nguyễn Việt Thắng (tháng 05/2020); quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Duyên Cường (tháng 05/2020); ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Lê Xuân Huyền và ông Nguyễn Quang Hòa; quyết định bổ nhiệm ông Khương Lê Thành, ông Nguyễn Văn Hội giữ chức danh Thành viên HĐQT và HĐQT đã ra quyết định bầu ông Nguyễn Văn Hội giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2022.

10. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT:

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2020 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo, ... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí, ... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

11. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

Theo điểm a khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau: "*Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó*". Thay đổi của Luật Doanh nghiệp 2020 so với Luật doanh nghiệp 2014 dẫn đến các thành viên độc lập Hội đồng quản trị của BSR hiện nay không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện do sự thay đổi của pháp luật.

Các quy định của pháp luật về thành viên độc lập HĐQT được quy định thống nhất tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và

1378
IG T
'HÃI
'A D,
SON
G. NC

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán. Theo đó, các công ty sau đây bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT:

– Công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (*không có Ban Kiểm soát*) thì phải có ít nhất 1/5 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập;

– Công ty đã niêm yết (*kể cả hoạt động theo mô hình a hoặc b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp*)

BSR chưa phải là Công ty niêm yết và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Vì vậy, BSR chưa bắt buộc phải có TV HĐQT độc lập.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập nêu trên cùng với mô hình hoạt động hiện tại của Công ty, Hội đồng quản trị BSR thông báo việc các thành viên Hội đồng quản trị không còn đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020. Tuy nhiên, theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, BSR không nhất thiết phải có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các Thành viên Hội đồng quản trị hiện tại vẫn đáp ứng yêu cầu về Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Vì vậy, nhân sự Hội đồng quản trị của BSR vẫn giữ nguyên như hiện tại cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định tiếp theo.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Dự báo tình hình thị trường dầu mỏ năm 2021 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và nhiều khó khăn thách thức. HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

1. Về chiến lược, kế hoạch:

– Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường

– Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường.

– Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy. Xây dựng chiến lược mua dầu thô dài hạn (tối thiểu từ 3-5 năm) và triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm).

– Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế (spare part), v.v để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

– Thường xuyên theo dõi, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị/hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.

– Nâng cao năng lực và giải pháp khoa học để góp phần nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/ vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

1/6
U
1/6

- Xây dựng phương án SXKD dự phòng cho trường hợp Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 bắt đầu được thực hiện từ ngày 01/01/2022.

- Tiếp tục bám sát các cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tại Oceanbank, các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR, miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v...

- Tiếp tục triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất, nghiên cứu triển khai công tác thu xếp vốn và các nhiệm vụ khác liên quan đến Dự án NCMR NMLD Dung Quất. Đồng thời, rà soát, xác định phương hướng triển khai dự án NCMR trong thời gian tới để phù hợp với tình hình mới và hiệu quả tổng thể cho công ty.

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác

2. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

- Tích cực chỉ đạo công tác cập nhật, xây dựng chiến lược của BSR trong 05 - 10 năm tới;

- Chỉ đạo việc nghiên cứu nâng cao công tác kiểm soát quản trị doanh nghiệp dựa trên các thông lệ quốc tế bao gồm các mô hình quản trị hiện đại hướng tới hiệu quả hoạt động công ty và quản trị rủi ro doanh nghiệp.

- Xây dựng mô hình quản trị rủi ro toàn diện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, làm cơ sở chuẩn mực để ứng dụng kịp thời cho hệ thống quản lý và vận hành NMLD Dung Quất, giảm thiểu sự bị động cho công tác quản trị của BSR.

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước nhằm xây dựng phương án mua dầu thô, sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro nâng cao hiệu quả kinh doanh của BSR.

- Thường xuyên rà soát, nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tiết giảm chi phí SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

- Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung tổng thể các Quy chế/quy trình quản trị nội bộ, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng xử lý công việc, tinh gọn hiệu quả kết hợp với xu hướng công nghệ thông tin, số hóa.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.

C.T.C.P

Phụ lục 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát (BKS):

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trên cơ sở các cuộc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại BSR và báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban kiểm soát đã có những báo cáo giám sát chuyên đề và thực hiện Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, theo năm (*nội dung thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 đính kèm*). Trong năm 2020 tình hình tài chính của BSR được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, BSR đã vận hành nhà máy an toàn, ổn định với sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều vượt kế hoạch (106%). Tuy nhiên, do ảnh hưởng của Covid 19 và việc BSR thực hiện dừng Nhà máy từ ngày 12/8/2020 đến 1/10/2020 để tiến hành bảo dưỡng tổng thể lần 4 đã làm cho sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2020 thấp hơn nhiều so với năm 2019 (đạt 85%).

Bên cạnh đó, giá dầu thô trong năm 2020 đã sụt giảm mạnh, có lúc chạm đáy kỷ lục, tuy sau đó có hồi phục nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với năm 2019. Đồng thời khoảng cách giữa giá dầu thô và giá sản phẩm cũng thấp hơn rất nhiều so với năm 2019 đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của BSR. Vì vậy, năm 2020 BSR đã bị lỗ: Công ty mẹ BSR là (-2,812 tỷ đồng), Hợp nhất là (-2,858 tỷ đồng) và đã không hoàn thành được chỉ tiêu lợi nhuận sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ giao.

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020						
				Kế hoạch		Thực hiện	So sánh (%)			
				ĐHCĐ giao theo NQ 2872/NQ-BSR	Điều chỉnh theo NQ 4912/NQ-BSR		NQ 2872/NQ-BSR	NQ 4912/NQ-BSR	Năm 2019	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(6)=(4)/(2)	(5)=(4)/(3)	(7)=(4)/(1)	
I	Chỉ tiêu sản lượng									
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6,941,440	5,563,551	5,563,551	5,922,858	106%	106%	85%	
2	Sản lượng tiêu thụ		6,994,597	5,563,551	5,563,551	5,923,724	106%	106%	85%	
II	Chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)									
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102,824	80,686	56,663	57,959	72%	102%	56%	
2	Nộp NSNN		10,321	7,405	5,685	6,256	84%	110%	61%	
3	Lợi nhuận trước thuế		3,054	1,364	Không giao	(2,852)	-209%	-	-93%	
4	Lợi nhuận sau thuế		2,873	1,185	Không giao	(2,858)	-241%	-	-99%	
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ									
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102,725	80,315	56,639	57,895	72%	102%	56%	
2	Nộp NSNN		10,311	7,396	5,672	6,242	84%	110%	61%	
3	Lợi nhuận trước thuế		3,088	1,356	Không giao	(2,812)	-207%	-	-91%	
4	Lợi nhuận sau thuế		2,912	1,289	Không giao	(2,812)	-218%	-	-97%	



Các chỉ số tài chính:

Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu Tài chính	ĐVT	BCTC RIÊNG CÔNG TY MẸ		BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
			2019	2020	2019	2020
A	TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN					
I	Tổng tài sản (tỷ đồng)		52,218	54,509	53,584	55,895
1	Tài sản ngắn hạn		26,763	29,842	26,896	29,997
2	Tiền và các khoản tương đương tiền		8,319	12,767	8,352	12,792
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2	902	4	958
4	Các khoản phải thu ngắn hạn		9,920	7,772	9,972	7,814
5	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	8,475	8,360	8,515	8,387
6	Tài sản ngắn hạn khác		46	41	52	46
7	Tài sản dài hạn		25,455	24,667	26,688	25,898
II	Tổng nguồn vốn (tỷ đồng)		52,218	54,509	53,584	55,895
1	Nợ ngắn hạn		12,013	19,201	12,916	20,407
2	Nợ dài hạn		6,229	4,269	6,614	4,423
3	Vốn chủ sở hữu		33,976	31,039	34,054	31,065
B	HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN					
1	Hệ số thanh toán nhanh hiện hành		2.23	1.55	2.08	1.47
2	Hệ số thanh toán nhanh		1.52	1.12	1.42	1.06
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản		0.35	0.43	0.36	0.44
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		0.54	0.76	0.57	0.80

Nhìn chung các chỉ số tài chính của BSR vẫn nằm trong khoảng an toàn, tuy nhiên so với cùng thời điểm năm 2019 thì các chỉ số của BSR năm 2020 không được tốt bằng.

Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Do lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ năm 2020 là (-2,812 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế hợp nhất là (-2,858 tỷ đồng) nên việc bảo toàn vốn của BSR trong năm 2020 không được đảm bảo. Hệ số bảo toàn vốn của BSR trong năm 2020 so với năm 2019 chỉ đạt 0,91%.

Chỉ tiêu	Đơn vị	BCTC RIÊNG CÔNG TY MẸ		BCTC HỢP NHẤT	
		2019	2020	2019	2020
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:		33,976	31,039	34,054	31,065
B. Tổng tài sản	Tỷ đồng	52,218	54,509	53,584	55,895
C. Lợi nhuận sau thuế		2,912	(2,812)	2,873	(2,858)
D. Hiệu quả sử dụng vốn					
1. Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)		8.57%	-9.06%	8.44%	-9.20%
2. Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)		5.58%	-5.16%	5.36%	-5.11%
3. Hệ số bảo toàn vốn năm 2020 với 2019			0.91		0.91

378
NG
PI
HC
INF
OL

Công tác đầu tư tài chính

Tại thời điểm 31.12.2020, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và BSR tham gia góp vốn tại 04 doanh nghiệp gồm:

- + Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Nhà máy NLSH Dung Quất hiện đang dừng hoạt động. Hiện nay, BSR-BF đang thực hiện xử lý vướng mắc, tồn tại của Dự án Nhà máy NLSH Dung Quất theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017. Tại thời điểm 31/12/2020, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 206 tỷ đồng (không bao gồm khoản 536 tỷ BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/6/2018).
- + Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): tỷ lệ cổ phần nắm giữ của BSR tại PVBuilding là 83,26% vốn điều lệ.
- + Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ.
- + Công ty TNHH Kho ngậm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,77% vốn điều lệ. Tại 31/12/2020, BSR đang phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này là 1,26 tỷ đồng.

Trong năm 2020, Công ty BSR đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư tại BSR-BF và PVOS. Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC 2020 của BSR

Trong BCTC riêng và BCTC Hợp nhất năm 2020 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

Vấn đề cần nhấn mạnh của Kiểm toán trong BCTC riêng và Hợp nhất

Như trình bày tại Thuyết Minh số 01 phần Thuyết Minh báo cáo tài chính riêng/hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng/hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến của Ban Kiểm soát

Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa có thể làm thay đổi các khoản mục trên báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền.

Công tác tái cấu trúc:

Công ty đang tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu, tìm cổ đông chiến lược cho công ty; Thực hiện thoái vốn đầu tư của BSR tại các công ty con.

Đánh giá chung: công tác tìm cổ đông chiến lược không có tiến triển. Công tác thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS còn có vướng mắc do phải thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

Công tác quản trị doanh nghiệp

69
P. Y. /
D. D. /
S. N. /
NG

Công tác quản trị luôn được Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng hàng đầu, đưa vào ứng dụng và triển khai hiệu quả các hệ thống quản trị hiện đại, đơn vị cũng hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng chương trình quản trị ERP;
- Công ty thường xuyên thực hiện công tác giám sát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường hệ thống báo cáo quản trị ...;
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Từng bước ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin; Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của người đứng đầu BSR đối với người đại diện vốn của BSR tại doanh nghiệp khác; Chỉ thực hiện đầu tư mới vào lĩnh vực kinh doanh chính và có hiệu quả sau khi được Tập đoàn phê duyệt.

2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2020 HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2020 của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Ban TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

Ban TGD đã hết sức nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao công tác quản trị, điều hành, thực hiện tốt tối đa hóa sản xuất, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, chủ động trong công tác mua dầu thô, tiêu thụ sản phẩm và đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của năm.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2020 BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 165-Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2014 (nay là Điểm 6, Điều 170-Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2020, HĐQT phê duyệt giao dịch của Công ty với Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building). Ông Trần Đoàn Thịnh - Phó Tổng Giám đốc BSR là Thành viên Hội đồng quản trị PV Building. Chi tiết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1.	04949/QĐ-BSR	25/12/2020	Phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Danh sách Tổ đàm phán gói thầu "Thuê dịch vụ quản lý khu nhà ở Vạn Tường của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn theo Đơn hàng số 113/ĐH-VP"
2.	04979/QĐ-BSR	28/12/2020	Phê duyệt PVCV, DT, KH triển khai gói thầu "Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo ĐH số 338/20-2509/ĐH-DDSX"
3.	04987/QĐ-BSR	28/12/2020	Phê duyệt PVCV, DT, KH triển khai gói thầu "Mua Pallet để đóng gói kiện sản phẩm tại phân xưởng PP theo ĐH số 433/20-2510/ĐH-DDSX"

5. Tổng kết các cuộc họp của BKS, các kết luận, kiến nghị của BKS.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát BSR hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

- Ông Phạm Ngọc Quý – Trưởng BKS

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- **Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS:**

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, xem xét các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- **Ông Vũ Lê Huy – Thành viên BKS không chuyên trách**

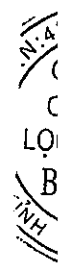
- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2020, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại đơn vị dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty;
- Sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, Qua đó, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, Ban TGD Công ty.

BKS thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá các nội dung hoạt động của BKS, kế hoạch triển khai các công việc trong quý tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các cuộc họp BKS được gửi cho Ban điều hành Công ty, cụ thể:



Thời điểm	Nội dung Ý kiến-Kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGD Công ty	Đánh giá của BKS về phản hồi của Ban điều hành
Quý I	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục bám sát các chỉ đạo của Tập đoàn DKVN để giải quyết các khó khăn vướng mắc của hoạt động SXKD của công ty BSR-BF. Để có cơ sở đánh giá hiệu quả cho việc chạy lại, Công ty cần chỉ đạo để đẩy nhanh công tác nghiệm thu và quyết toán đối với nhà máy BSR-BF. Có kiến nghị Tập đoàn DKVN hỗ trợ đối với việc thúc đẩy các cổ đông khác thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định. - Thực hiện các chính sách tiết kiệm để giảm lỗ trong điều kiện dịch bệnh và giá dầu giảm sâu. - Có phương án dự phòng đối với trường hợp không thể thực hiện công tác BDTT lần 4 do điều kiện dịch bệnh COVID-19 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban điều hành đã có các chỉ đạo kịp thời, có các giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với Công ty BSR-BF - Đã thực hiện rất tốt các biện pháp tiết kiệm, giãn dự án đầu tư, cắt giảm chi phí để ứng phó với việc giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid
Quý II	- Không có kiến nghị	Ban điều hành đã thực hiện rất tốt các biện pháp tiết kiệm, giãn dự án đầu tư, cắt giảm chi phí để ứng phó với việc giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid
Quý III	- Không có kiến nghị	Ban điều hành đã thực hiện rất tốt các biện pháp tiết kiệm, giãn dự án đầu tư, cắt giảm chi phí để ứng phó với việc giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid
Quý IV	- Không có kiến nghị	Ban điều hành đã thực hiện rất tốt các biện pháp tiết kiệm, giãn dự án đầu tư, cắt giảm chi phí để ứng phó với việc giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid

Nhận xét: Các thành viên của BKS đã thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Một số các kiến nghị của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020, BSR bị lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu do tác động mạnh của giá dầu giảm sâu. Vì vậy, BSR cần tăng cường công tác dự báo, chủ động kiểm soát rủi ro và chi phí, đánh giá và đưa ra các giải pháp khắc phục các tồn tại, nâng cao hiệu quả hoạt động của BSR.

100
 Ô
 Ô
 H
 NE
 2UA

- Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy đã bị chậm tiến độ một thời gian dài, việc đấu thầu EPC và công tác thu xếp vốn cho dự án gặp khó khăn sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả đầu tư của Dự án. Vì vậy, BSR cần xem xét, tính toán kỹ lại hiệu quả dự án trước khi có quyết định đầu tư.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, Các khoản mục trên báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Công ty cần lưu ý tiến độ thực hiện quyết toán cổ phần hóa và báo cáo gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu) cũng như Ban chỉ đạo Cổ phần hóa cho phù hợp với quy định.

- Theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thoái vốn của BSR tại PMS, PVOS và PVBuilding và Nghị quyết số 2616/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2016-2020. Vì vậy BSR cần tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện phương án tái cơ cấu đã được Tập đoàn phê duyệt như trên và thường xuyên đánh giá tiến độ và công bố thông tin kịp thời, phù hợp theo qui định.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ VND là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để có các giải pháp tăng khả năng thanh khoản.

- Theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số khuyết điểm, vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (dự án do Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty) đầu tư, quản lý và vận hành). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc BSR-BF đang làm việc với các bên có liên quan để giải quyết các kiến nghị này. Ngoài ra, BSR-BF đã tạm tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án trên với số tiền khoảng 1.790 tỷ VND và đang làm các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng. Vì vậy, BSR cần sớm làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ và quyết toán nhà máy. Tiếp tục chỉ đạo BSR-BF xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại và thực hiện nghiêm túc công tác tái cơ cấu theo chỉ đạo của Chính phủ, Ban chỉ đạo các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả ngành công thương.

6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và thực hiện của các thành viên BKS trong năm 2020 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người BQ	Số tiền (đồng)	Số người BQ	Số tiền (đồng)
I	Chuyên trách	2,00	1.904.100.000	2,00	1.932.600.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	1,00	1.030.300.000	1,00	1.045.100.000
2	Thành viên BKS	1,00	873.800.000	1,00	887.500.000
II	Không chuyên trách (*)	1,00	175.100.000	1,00	177.400.000
1	Thành viên BKS	1,00	175.100.000	1,00	177.400.000
	Tổng cộng	3,00	2.079.200.000	3,00	2.100.000.000

Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021

BKS sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2021 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
 - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
 - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
 - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm (nếu có).
- Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này
- Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo các chỉ thị, nghị quyết được phê duyệt.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, quản lý tài chính.
- Kiểm tra giám sát công tác triển khai nâng cấp và mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Phụ lục 05 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1872/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền HĐQT, Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 từ các Công ty sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
3. Công ty TNHH KPMG.

Ban kiểm soát Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- TGD;
- Ban TCKT, PCRR;
- Lưu: BKS, VT, VP HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phụ lục 06 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1872/NQ-BSR ngày 26/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Bảng cân đối kế toán:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2020 Công ty mẹ	Ngày 31/12/2020 Hợp nhất
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	29.842.471.063.854	29.997.221.937.511
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.766.884.570.949	12.792.513.572.897
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	902.000.000.000	958.166.010.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.772.144.533.109	7.814.097.149.495
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.647.434.093.543	7.634.855.260.194
IV. Hàng tồn kho	8.360.188.031.858	8.386.688.832.594
V. Tài sản ngắn hạn khác	41.253.927.938	45.756.372.525
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	24.666.791.177.638	25.897.712.133.562
I. Các khoản phải thu dài hạn	540.500.627.486	533.509.547.749
II. Tài sản cố định	21.003.033.310.289	22.375.534.551.416
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.098.223.081.111	1.101.844.765.433
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	155.869.107.468	9.976.262.103
V. Tài sản dài hạn khác	1.869.165.051.284	1.876.847.006.861
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	54.509.262.241.492	55.894.934.071.073
C - NỢ PHẢI TRẢ	23.470.716.632.561	24.830.395.140.151
I. Nợ ngắn hạn	19.201.346.957.750	20.407.344.880.956
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn	7.014.550.158.882	7.004.930.722.285

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2020 Công ty mẹ	Ngày 31/12/2020 Hợp nhất
II. Nợ dài hạn	4.269.369.674.811	4.423.050.259.195
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	31.038.545.608.931	31.064.538.930.922
I. Vốn chủ sở hữu	31.038.545.608.931	31.064.538.930.922
Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.549.448.931	27.902.497.446
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	54.509.262.241.492	55.894.934.071.073

2. Kết quả kinh doanh:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020 Công ty mẹ	Năm 2020 Hợp nhất
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.895.323.757.871	57.959.112.673.412
2. Giá vốn hàng bán	60.063.500.340.583	60.183.939.693.526
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(2.168.176.582.712)	(2.224.827.020.114)
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.835.218.245.278)	(2.877.475.399.985)
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.812.485.389.456)	(2.852.427.438.530)
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.812.384.907.856)	(2.858.127.502.374)
7. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(2.818.841.515.440)
8. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(39.285.986.934)

Ngoài ra, trên BCTC riêng và hợp nhất, Kiểm toán nêu ý kiến nhấn mạnh như sau:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.”

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa

thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.”

BSR đã hoàn thành công tác xử lý tài chính và quyết toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan thuế. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TCKT, PCRR, QTNL, KTKH;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 07 - Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1872/NQ-BSR ngày 26/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện tiền lương, thù lao năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (HĐQT, BKS) Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

I. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 của HĐQT, BKS

Căn cứ kế hoạch tiền lương, thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người BQ	Số tiền (đồng)	Số người BQ	Số tiền (đồng)
I	Chuyên trách	7,83	8.304.200.000	7,83	8.298.600.000
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,91	1.096.900.000	0,91	1.096.100.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,00	1.186.500.000	1,00	1.185.600.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	3,92	4.116.700.000	3,92	4.113.600.000
4	Trưởng Ban kiểm soát	1,00	1.030.300.000	1,00	1.029.700.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	873.800.000	1,00	873.600.000
II	Không chuyên trách (*)	1,09	196.200.000	1,09	195.800.000
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,09	21.100.000	0,09	21.100.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	175.100.000	1,00	174.700.000
	Tổng cộng	8,92	8.500.400.000	8,92	8.494.400.000

15/04/2021

(*) Ghi chú: Thực tế trong năm 2020, BSR có 02 Người quản lý không chuyên trách: Ông Lê Xuân Huyền - Phó Tổng Giám đốc PVN kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR từ 01/01/2020 đến 03/02/2020 (1,05 tháng) và ông Vũ Lê Huy - Kiểm soát viên DQS kiêm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát BSR (12 tháng).

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của HĐQT, BKS

1. Số lượng Thành viên HĐQT, BKS: 9 người.

+ Hội đồng quản trị dự kiến gồm 06 người: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và 04 thành viên HĐQT.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 người: 01 Trưởng ban, 01 Thành viên BKS chuyên trách và 01 Thành viên BKS kiêm nhiệm.

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của HĐQT, BKS:

STT	Chức danh	Số người BQ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Chuyên trách	8,00	8.154.200.000	
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,00	1.152.900.000	
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,00	1.138.100.000	
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4,00	4.036.800.000	
4	Trưởng ban kiểm soát	1,00	988.200.000	
5	Kiểm soát viên	1,00	838.200.000	
II	Không chuyên trách	1,00	167.700.000	Hưởng bằng 20% mức tiền lương của Thành viên chuyên trách
1	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	1,00	167.700.000	
	Tổng cộng	9,00	8.321.900.000	

(**) Ghi chú: Trong năm 2021, dự kiến BSR có 01 Người quản lý không chuyên trách: Ông Vũ Lê Huy - Kiểm soát viên DQS kiêm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát BSR (12 tháng).

Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS sẽ được thực hiện và điều chỉnh tùy thuộc vào số lượng thành viên chuyên trách, không chuyên trách và kết quả hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Phụ lục 08 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

1. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

Một số nội dung chính cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Giải thích từ ngữ	Sửa đổi một số thuật ngữ, bổ sung một số định nghĩa: Cổ tức, Giấy tờ pháp lý cá nhân, Giấy tờ pháp lý của tổ chức, Người liên quan, Người nội bộ, Người có quan hệ gia đình; chỉnh sửa các từ ngữ khác cho phù hợp.
3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Bổ sung “tư cách là người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự”.
11	Mua lại cổ phiếu	Cập nhật theo quy định tại Điều 36, 37 Luật Chứng khoán và hướng dẫn tại Thông tư 118/2020/TT-BTC
13	Quyền của cổ đông	- Bỏ quy định về thời hạn liên tục nắm giữ cổ phần trong 6 tháng đối với cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ



Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>phần có quyền biểu quyết tại quy định: Nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết có một số quyền: yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, xem xét trích lục tài liệu, yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra một số vấn đề, ...;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Tỷ lệ cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử thành viên HĐQT, BKS: từ 5% thành 10%; - Sửa đổi quy định về chuyên nhượng cổ phần. - Bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + “Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;” + “Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;” + “Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;”
14	Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa vụ về bảo mật thông tin; - “Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.”; - Thông báo nếu có sự thay đổi về thông tin cá nhân, địa chỉ liên lạc,...
15	Đại hội đồng cổ đông	<p>Chỉnh sửa các quy định về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông; - Quy định thời gian triệu tập ĐHĐCĐ bất thường: trong



Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>vòng 30 ngày;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sửa các Điều/Khoản tham chiếu.
16	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>Sửa đổi theo Điều 15 Điều lệ Mẫu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ: 2. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau: Trong đó bổ sung một số quyền, nghĩa vụ: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; - Chấp thuận giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Sửa đổi một số quyền theo đúng câu chữ tại Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều lệ Mẫu (trong đó đề xuất thống nhất sử dụng cụm từ “báo cáo tài chính năm gần nhất” trong toàn Điều lệ thay cho “báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán” vì Luật Doanh nghiệp không bắt buộc báo cáo tài chính “phải kiểm toán”).
17	Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi quyền ủy quyền như sau: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham sự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền từ 3 đến 5 người đại diện theo ủy quyền. - Bổ quy định ủy quyền phải lập văn bản theo mẫu của Công ty (LDN quy định văn bản lập theo quy định của pháp luật dân sự). - Bổ sung: Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty); - Bổ sung: Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử, việc ủy quyền tham dự họp sẽ được quy định cụ thể tại thông báo mời họp và gửi đến tất cả các cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

300
 CC
 C
 L
 P
 7/1/20

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
18	Thay đổi các quyền	- Tăng tỷ lệ biểu quyết đối với cổ đông có cổ phần ưu đãi khi biểu quyết về các vấn đề liên quan đến quyền của cổ đông ưu đãi từ 65% lên 75% theo đúng Điều lệ Mẫu.
19	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ	- Thay đổi ngày lập danh sách cổ đông có quyền dự họp từ “không sớm hơn 10 ngày” thành “không quá 10 ngày”; - Thay đổi ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông từ 10 ngày lên 21 ngày; - Bổ sung quy định về việc Người triệu tập ĐHĐCĐ từ chối đề xuất triệu tập họp phải trả lời bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc. - Bổ sung: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. - Kiến nghị của cổ đông phải lập bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ (thay cho 03 ngày để Công ty có đủ thời gian chuẩn bị điều chỉnh/chuẩn bị các tài liệu, thông tin liên quan).
20	Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông	- Thay đổi tỷ lệ đảm bảo để cuộc họp được tiến hành từ 51% trở lên thành trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự; - Triệu tập họp lần thứ hai phải có từ 33% (thay cho “ít nhất 33%”) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự.
21	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung: Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
22	Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	- Đối với việc quyết định đầu tư giao dịch: thay cụm từ “bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản” bằng cụm từ “từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản”; - Tỷ lệ biểu quyết thông qua các nội dung thuộc khoản 2 Điều 16 là trên 50% (thay cho ít nhất 51%);
23	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị	- Sửa đổi thời gian gửi phiếu lấy ý kiến: 21 ngày thay cho 10 ngày. - Bổ sung khoản 9: tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết bằng văn bản:

178
NG
PI
HC
NH
ou

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
	Quyết của Đại hội đồng cổ đông	<p>a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;</p> <p>b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo cách tính dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thông qua khi được các cổ đông có cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành;</p> <p>d) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, b, c khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</p>
24	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung: Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
27	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ quy định về thời gian nắm giữ cổ phiếu của cổ đông/nhóm cổ đông khi đề cử ứng viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị. - Thay đổi tỷ lệ nhóm cổ đông: từ 10% đến dưới 20% đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% đề cử 2 ứng viên...(sửa đổi theo Điều 13 Quyền của cổ đông).
29	Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi yêu cầu về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của thành viên Hội đồng quản trị; - Bổ sung thêm các đối tượng không được làm thành viên Hội đồng quản trị; - Thêm quy định về thành viên độc lập HĐQT không được bầu quá 02 nhiệm kỳ liên tục (nếu Công ty có thành viên độc lập); - Thành viên HĐQT của Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác; - Thành viên độc lập HĐQT (nếu có) phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ và pháp luật

Số: 03/NG

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
		liên quan.
30	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung nhiệm vụ Quyết định ban hành Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Bổ sung quyền quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết (Luật đã bỏ quy định xin ý kiến cơ quan đăng ký kinh doanh); - Bổ sung quyền cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; - Bổ sung quyền quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; - Bổ sung quyền kiến nghị ĐHCĐ về mức trích lập các Quỹ (vì sẽ bổ sung tại Điều 53 Phân phối lợi nhuận nội dung: ĐHCĐ quyết định việc trích lập các quỹ); - Bổ sung nhiệm vụ phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
36	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không có lý do chính đáng thì bị bãi nhiệm (thay vì miễn nhiệm như hiện hành).
43	Thành phần Ban Kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ tiêu chuẩn là kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách; - Thay đổi yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với Kiểm soát viên, Trưởng ban kiểm soát; - Trường hợp Kiểm soát viên không hoạt động trong vòng 6 tháng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị bãi nhiệm (thay cho miễn nhiệm như hiện hành).
44	Trưởng Ban Kiểm soát	Tách riêng 1 Điều về Trưởng ban Kiểm soát với tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Mẫu.
49	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán. - Khoản 5: Sửa đổi mức giá trị hợp đồng với người có liên quan từ 20% thành 35% (theo ý kiến của tư vấn Luật để phù hợp với thẩm quyền của ĐHCĐ theo Điều lệ).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung
50	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi “trách nhiệm dân sự” thành “trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới”; - Sửa đổi một số từ ngữ theo Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 48 Điều lệ Mẫu.
53	Phân phối lợi nhuận	Sửa đổi khoản 1 như sau: Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức, mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, mức trích lập quỹ khen thưởng, mức trích lập quỹ phúc lợi và mức trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
60	Con dấu	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ quy định về thông báo mẫu dấu; - Bỏ quy định về khắc mẫu dấu theo quy định của pháp luật (Công ty tự quyết định hình thức, nội dung trên con dấu); - Bổ sung quy định “Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.” - Bổ sung cụm từ “chữ ký số” như sau: Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định nội bộ của Công ty và tuân thủ pháp luật hiện hành.
61	Giải thể Công ty	Sửa đổi như sau: Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải niêm yết công khai, thông báo đến người lao động, gửi cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.
63	Thanh lý	Điều chỉnh thứ tự thanh toán theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
	Các nội dung khác	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung ngành nghề: Đào tạo, huấn luyện nhân lực về ATVSLĐ, PCCC, môi trường, y tế, sức khỏe nghề nghiệp (BSR có đủ nguồn lực để thực hiện dịch vụ này ra bên ngoài); - Bỏ một số quy định không còn phù hợp: cổ đông sáng lập, gia hạn hoạt động,...; - Chính sửa câu từ theo Luật Doanh nghiệp 2020; - Chính sửa các điều khoản tham chiếu cho chính xác.

(Chi tiết xin xem Dự thảo Điều lệ đính kèm)

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị:

Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trong đó quy định các nội dung bắt buộc phải có trong Quy chế của doanh nghiệp, vì vậy dự thảo Quy chế của Công ty cũng được xây dựng lại theo bố cục này để đảm bảo đầy đủ các nội dung yêu cầu (trong đó có các nội dung mới như: thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến, thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến; tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty,...)

Quy chế gồm 6 Chương 18 Điều, cụ thể như sau:

Chương		Điều	
I	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Điều 1	Mục đích Quy chế
		Điều 2	Phạm vi và đối tượng áp dụng
		Điều 3	Giải thích từ ngữ
		Điều 4	Nguyên tắc áp dụng luật chuyên ngành
II	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Điều 5	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
		Điều 6	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
		Điều 7	Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. <i>Đây là nội dung mới quy định tại Mẫu Quy chế kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</i>
		Điều 8	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến <i>Đây là nội dung mới được quy định tại Mẫu Quy chế kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</i>
		Điều 9	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến. <i>Đây là nội dung mới quy định tại Mẫu Quy chế kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</i>
III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Điều 10	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
		Điều 11	Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - Thay đổi tỷ lệ nhóm cổ đông: từ 10% đến dưới 20% đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% đề cử 2 ứng viên...(theo Điều lệ).

43
 C
 C
 .OC
 B
 H
 O

Chương		Điều	
		Điều 12	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
		Điều 13	Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
IV	BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC	Điều 14	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát
		Điều 15	Tổng Giám đốc
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	Điều 16	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc
		Điều 17	Đánh giá hàng năm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc
VI	HIỆU LỰC THI HÀNH	Điều 18	Hiệu lực thi hành

(Chi tiết xin xem dự thảo Quy chế quản trị như đính kèm)

3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (xây dựng hoàn toàn mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Thông tư 116/2020/TT-BTC) gồm 7 Chương 23 Điều:

Chương I - Quy định chung bao gồm 2 Điều: (1) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; (2) Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương II - Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 8 Điều: (1) Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị; (2) Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị; (3) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị; (4) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị; (5) Chủ tịch Hội đồng quản trị; (6) Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; (7) Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; (8) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Chương III - Hội đồng quản trị bao gồm 4 Điều: (1) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; (2) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch; (3) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường; (4) Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Chương IV - Cuộc họp Hội đồng quản trị bao gồm 2 Điều: (1) Cuộc họp Hội đồng quản trị; (2) Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chương V - Báo cáo, công khai các lợi ích bao gồm 3 Điều: (1) Trình báo cáo hàng năm; (2) Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; (3) Công khai các lợi ích liên quan.

03;
ĐNG
PH
HÓA
HS
ẢNH

Chương VI - Mọi quan hệ của Hội đồng quản trị bao gồm 3 Điều: (1) Mọi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị; (2) Mọi quan hệ với ban điều hành; (3) Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.

Chương VII - Điều khoản thi hành bao gồm 1 Điều: Hiệu lực thi hành.

(Chi tiết xin xem dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm)

4. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (xây dựng hoàn toàn mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Thông tư 116/2020/TT-BTC) gồm 7 Chương 30 Điều:

Chương I - Những quy định chung bao gồm 3 Điều: (1) Phạm vi, đối tượng áp dụng; (2) Giải thích từ ngữ; (3) Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

Chương II - Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm 8 Điều: (1) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát; (2) Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban Kiểm soát; (3) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát; (4) Trưởng Ban Kiểm soát; (5) Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát; (6) Cách thức bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; (7) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; (8) Thông báo bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

Chương III - Hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm 6 Điều: (1) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban Kiểm soát; (2) Quyền được cung cấp thông tin; (3) Bảo mật thông tin; (4) Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường; (5) Hình thức kiểm soát; (6) Chế độ làm việc của ban Kiểm soát.

Chương IV - Cuộc họp của Ban Kiểm soát bao gồm 4 Điều: (1) Họp Ban Kiểm soát; (2) Trình tự tổ chức cuộc họp Ban Kiểm soát; (3) Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát; (4) Biên bản họp Ban Kiểm soát.

Chương V - Báo cáo và công khai lợi ích bao gồm 3 Điều: (1) Trình báo cáo hàng năm; (2) Thù lao và các lợi ích khác; (3) Công khai các lợi ích liên quan.

Chương VI - Mọi quan hệ của Ban Kiểm soát bao gồm 5 Điều: (1) Mọi quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát, (2) Mọi quan hệ với ĐHĐCĐ, (3) Mọi quan hệ với HĐQT, (4) Mọi quan hệ với Ban Tổng Giám đốc, (5) Mọi quan hệ với các Ban chức năng trong Công ty.

Chương VII- Điều khoản thi hành gồm 1 Điều: (1) Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung Quy chế.

(Chi tiết xin xem dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm)

Dự thảo Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và mẫu Điều lệ/Quy chế ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua dự thảo Điều lệ, Quy chế quản trị (sau khi sửa đổi, bổ sung), Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như tài liệu đính kèm;

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tổ chức thực hiện việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh, bổ sung nội dung dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn liên quan đến ngành nghề kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đăng ký doanh nghiệp (nếu có) và báo cáo các nội dung chỉnh sửa, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo; ban hành Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Giao Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

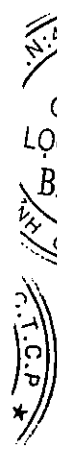
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban PCRR, TCKT, KTKH, QTNL;
- Lưu: VT, VP HĐQT, binhvt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-BSR ngày của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2021

31
X
C
T
N
/U

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Chào bán cổ phần	10
Điều 11. Mua lại cổ phiếu.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thay đổi các quyền	19
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty.....	34
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	35
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 39. Người điều hành doanh nghiệp.....	35
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	36
Điều 41. Thư ký Công ty.....	36
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 42. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	37
Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát.....	37
Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát.....	38
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	38
Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39
Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	39
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng.....	40
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	41
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41
Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	41
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	42
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn.....	42
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 53. Phân phối lợi nhuận.....	42
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ	

76
T
Ái
D,
N
NG

HỆ THỐNG KẾ TOÁN	43
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 55. Năm tài chính	43
Điều 56. Chế độ kế toán.....	43
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	43
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	44
Điều 58. Báo cáo thường niên.....	44
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 59. Kiểm toán	44
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	44
Điều 60. Con dấu	44
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 61. Giải thể Công ty	45
Điều 62. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 65. Ngày hiệu lực	46
PHỤ LỤC - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số /NQ-BSR ngày ... tháng ... năm của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- b) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;
- c) “Công ty” là Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- d) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;
- e) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- f) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 , có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- g) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- h) "Ngày thành lập" là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần;
- i) "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty;
- j) “Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- k) Người nội bộ của Công ty: Người nội bộ của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
- l) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
- m)"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định như sau:
 - i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

- ii. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
- iii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phân vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;
- iv. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên;
- v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- vi. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm i, ii, iii khoản này;
- vii. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;
- viii. Các tổ chức, cá nhân là Người liên quan khác theo quy định tại Luật Chứng khoán.

n) Giấy tờ pháp lý cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

o) Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;

p) "Pháp luật" là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các bộ luật/luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật;

q) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

r) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý doanh nghiệp khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

s) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

t) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn

12/ 10/ 2014

hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

b) Tên tiếng Anh:

BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

c) Tên viết tắt: BSR

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

d) Địa chỉ: số 208 đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

b) Điện thoại: 84-255- 3825825; Fax: 84-255- 3825826.

c) Website: <http://www.bsr.com.vn>.

4. Logo của Công ty:



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam, việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật khi vắng mặt thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền của người đại diện theo pháp luật

a) Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

b) Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;

c) Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định pháp luật và Điều lệ;

d) Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản a, b và c Điều này;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được nêu tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

– Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn do các Cổ đông đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao;

– Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 đồng (bằng chữ: ba mươi một nghìn, không trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty sẽ tiến hành sửa đổi nội dung tại Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đảm bảo việc tăng, giảm vốn Điều lệ.

3. Các hình thức tăng, giảm Vốn điều lệ thực hiện theo Điều lệ này và các quy định pháp luật Việt Nam.

4. Cổ phần

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.100.499.616 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn (10.000) đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 3.100.499.616 cổ phần (Bằng chữ: ba tỷ, một trăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần).

5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều lệ này.

6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần do Công ty phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

7
4
V
101

- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;
- e) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.;
- f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
- g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật;
- h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;
- i) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- j) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo thời hạn pháp luật quy định.

5. Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức trên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mua lại cổ phiếu

1. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;

d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

đ) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:

a) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

3. Công ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp sau đây:

a) Đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét;

b) Đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;

c) Cổ phiếu của công ty đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để

tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Công ty không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:

a) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật Chứng khoán;

b) Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Cổ đông lớn theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.

6. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;

b) Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.

7. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp

a) Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

c) Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

8. Công ty phải thực hiện việc báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (khi Công ty thực hiện việc bỏ phiếu từ xa). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều lệ này;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình;

f) Tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Quyền và nghĩa vụ của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông biết;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

– Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

– Các trường hợp quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f) Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản

này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Bảo mật mọi thông tin được Công ty cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

8. Thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, trong đó có địa chỉ liên hệ và khi có sự thay đổi các thông tin trên với cơ quan có thẩm quyền đăng ký lưu ký chứng khoán (đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung) hoặc với Công ty (đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán).

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e khoản 5 Điều này hoặc xảy ra sự kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo nguyên tắc quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham sự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền từ 3 đến 5 người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử, việc ủy quyền tham dự họp sẽ được quy định cụ thể tại thông báo mời họp và gửi đến tất cả các cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và công bố theo quy định của pháp luật.

5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

6. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp cho các cổ đông để có thể tiếp cận.

7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 8 Điều này trong các trường hợp sau và chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 8 Điều này;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 8 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cuộc họp cử một hoặc một số người làm Thư ký lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự: Bố trí chỗ ngồi, bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập đại hội có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết khác phù hợp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều lệ này và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
- c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này và khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 9 Điều này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định sau:

a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo cách tính dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thông qua khi được các cổ đông có cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành;

d) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, b, c khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc

Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó quy định khác.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Các lợi ích liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có);
- g) Các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới

50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 đến 7 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh

7
N
3
3
3
4

nghị; hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả, mức trích lập các Quỹ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Quyết định việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi xét thấy cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

151
T
H
C
H
12

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, khoản thù lao này phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

121 0 7 16

Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;

e) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy

(07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Điều lệ này hoặc quy chế nội bộ của Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do quy chế nội bộ Công ty quy định.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật Việt Nam;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác được quy định Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Các trường hợp khác được quy định tại Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;
- b) Số lượng thành viên không điều hành Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm. Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người được Tổng Giám đốc ủy quyền điều hành Công ty;

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc không được là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành Công ty trái với quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 41. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
 3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công bố thông tin và thủ tục hành chính;
 6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Có quyền tham dự hoặc tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU

HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng các thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau:

– Đối với giao dịch có giá trị từ dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

– Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực

hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức, mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, mức trích lập quỹ khen thưởng, mức trích lập quỹ phúc lợi và mức trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở

giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận của Công ty, trong đó bao gồm Quỹ đầu tư phát triển và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm (01/01) và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi mốt của tháng Mười hai (31/12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi mốt của tháng Mười hai (31/12) của năm mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ

THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 60. Con dấu

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có hai (02) con dấu giống nhau, hình tròn, mực màu đỏ. Một (01) con dấu được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, một (01) con dấu được lưu giữ tại văn phòng điều hành nhà máy tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nội dung con dấu: Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Trước khi sử dụng, Công ty có thể thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo đúng quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật. Con dấu phải được lưu giữ tại các địa điểm nêu tại Khoản 1 Điều này và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ngoài các địa điểm nêu trên thì người đại diện theo pháp luật Công ty có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi Công ty.

6. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định nội bộ của Công ty và tuân thủ pháp luật hiện hành.

7. Các con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 61. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua, thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

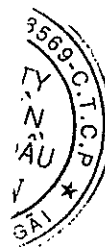
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 65 Điều và 01 Phụ lục kèm theo được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

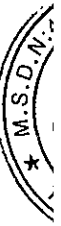
2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHỤ LỤC - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

(Phụ lục kèm theo Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	1920
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên <i>Chi tiết: Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.</i>	0910
3	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết:</i> - <i>Cung cấp và cho thuê chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự vận hành phòng thử nghiệm, phân tích thử nghiệm; an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự về đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>	7830
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Kinh doanh, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4661
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - <i>Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Đào tạo nhân lực về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025;</i>	8559

19/00.00.1/21

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	- Đào tạo, huấn luyện nhân lực về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp.	
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận chuyển dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4933
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Lưu giữ dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	5210
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4669
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Cung cấp các vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4659
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	8299
11	Sửa chữa thiết bị khác <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khác trong ngành lọc - hóa dầu; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị phòng thử nghiệm.</i>	3319
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ phân tích dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hóa chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu.</i>	7120
13	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát lắp TBCT, D.Dụng-H.Thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí.</i>	7110

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ hàng hải, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu.</i>	5229
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu.</i>	3312
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (ngô, sắn).</i>	4620
17	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; thiết bị máy móc công nghiệp.</i>	7730

15/6
TY
TẬP
A D
SỞ
NG

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-BSR ngày 23/04/2021 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích của Quy chế.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 3. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	4
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ..	7
Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	7
Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	10
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 10. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	13
Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	13
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC	14
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 15. Tổng Giám đốc.....	15
CHƯƠNG V. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	15
Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	15
Điều 17. Đánh giá hàng năm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc	17
CHƯƠNG VI. HIỆU LỰC THI HÀNH	18
Điều 18. Hiệu lực thi hành	18

CHƯƠNG I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của Quy chế

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty; đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

- Công ty;
- Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. BSR/Công ty: Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty.
3. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty.
4. TGD: Tổng Giám đốc Công ty.
5. KTT: Kế toán trưởng Công ty.
6. BKS: Ban Kiểm soát Công ty.
7. Điều lệ/Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
8. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

9. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán.

10. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp và điểm i khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

11. Người điều hành doanh nghiệp được quy định tại điểm j khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty.

12. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

13. Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

14. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty, khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

15. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các điều khoản/văn bản đó.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Công ty: ĐHĐCĐ có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị có thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Phương thức gửi thông báo theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐ để chuẩn bị chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ phải được chuẩn bị chu đáo, chi tiết; các kiến nghị của cổ đông phải được đưa vào chương trình họp nếu các kiến nghị đó được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 8 Điều 19 Điều lệ Công ty; Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ phải được thông qua tại phiên khai mạc cuộc họp;

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: BSR không được hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người đại diện ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức được ủy quyền làm đại diện, tổ chức phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Trường hợp có nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo pháp luật dân sự, nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền, Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và chữ ký của cá nhân/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo pháp luật dân sự, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp hoặc theo văn bản ủy quyền một (01) lần của cổ đông là tổ chức.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

43
CC
CC
CC
INA
DUA

8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ hai, thứ ba thì thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả việc bỏ phiếu điện tử/trực tuyến) hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

10. Cách thức bỏ phiếu:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, BSR sẽ cấp cho từng cổ đông/người đại diện theo ủy quyền một Phiếu biểu quyết. ĐHĐCĐ thực hiện hình thức biểu quyết trực tiếp và tính điểm trên cơ sở số cổ phần sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp theo thể lệ biểu quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty;

11. Cách thức kiểm phiếu: Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu (có thể thành lập Ban Kiểm phiếu). Sau khi thu Phiếu biểu quyết, bộ phận kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu không có ý kiến;

12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

- Đối với các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành;

- Trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty và khoản 3, 4,6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp):

Cổ đông có quyền biểu quyết phản đối quyết định của ĐHĐCĐ về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi các quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, cổ đông có quyền yêu cầu BSR mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu của cổ đông trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu BSR mua lại cổ phần.

Yêu cầu của cổ đông phải được gửi đến BSR trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại Điều lệ.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản họp ĐCĐCĐ và thông qua tại ĐHĐCĐ. Việc lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty và pháp luật.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Trong vòng 24 giờ (hai mươi bốn giờ) kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ, BSR phải công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng.

- Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên Website BSR và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Việc công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thực hiện kịp thời, chính xác, đầy đủ và do Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được lấy ý kiến và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Trong trường hợp BSR có đầy đủ hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo đủ điều kiện để họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến thì có thể tiến hành họp theo hình thức này để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, cổ đông có thể đăng ký về việc tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trước thời hạn ghi trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ (Thông báo mời họp). Việc đăng ký nêu tại khoản này có thể gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty, đăng ký trực tuyến. Cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

M. Q. +
T. N. / 8 / 2017
T. N. / 4 / 2017
V. N. / 08 / 2017

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Tổng công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định Quy chế này và có nghĩa vụ:

+ Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/ hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+ Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

4. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến: ĐHĐCĐ được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp tại các điểm cầu trực tuyến đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (*máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...*).

Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

- Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định Điều này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:

+ Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến cho từng vấn đề biểu quyết.

+ Đối với nội dung bầu cử HĐQT/BKS: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến cho nội dung cần bầu cử.

- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại ĐHĐCĐ theo quyết định của HĐQT.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.

Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ tại điểm cầu chính có trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 15 Điều 6 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện như khoản 16 Điều 6 Quy chế này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Căn cứ tình hình thực tế của Công ty, Công ty sẽ thông báo mời họp ĐHĐCĐ trong đó ghi rõ hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến để cổ đông chủ động sắp xếp tham gia theo hình thức phù hợp.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 6 hoặc khoản 2 Điều 8 Quy chế này;

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông thực hiện việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 6 và Khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành: ĐHĐCĐ được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp trực tiếp và tại các điểm cầu trực tuyến đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả việc bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc trực tuyến).

6. Cách thức bỏ phiếu: Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

7. Cách thức kiểm phiếu: Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm phiếu bao gồm các thành viên tham dự họp trực tiếp và đại diện tại các điểm cầu trực tuyến để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu tại các điểm cầu trực tuyến được thực hiện song song với địa điểm họp trực tiếp; thành viên Ban Kiểm phiếu tại các điểm cầu lập Biên bản kiểm phiếu riêng tại địa điểm mình phụ trách, chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về việc kiểm phiếu đó. Thành viên Ban Kiểm phiếu tại địa điểm họp trực tiếp sẽ tổng hợp kết quả kiểm phiếu tại các điểm cầu thành kết quả kiểm phiếu cuộc họp.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu (tổng hợp kết quả tại địa điểm họp trực tiếp và các điểm cầu) được công bố ngay tại cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ (tại địa điểm họp trực tiếp) có trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 15 Điều 6 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện như khoản 16 Điều 6 Quy chế này.

30
01
01
01
01
01

CHƯƠNG III.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty (trừ các quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ).

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: HĐQT có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty tối đa không quá bảy (07) người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- Công ty đảm bảo cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có 1/3 thành viên không điều hành.

- Thành viên HĐQT Công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

a) Quyền đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông phụ thuộc vào tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

b) Ứng cử: Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền ứng cử để bầu làm thành viên HĐQT Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập ĐHĐCĐ hoặc thông báo việc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty khi triển khai việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT: Việc giới thiệu ứng cử để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng văn bản gửi đến Công ty đúng thời hạn và có đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định tại Thông báo của Công ty về việc đề nghị đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT được hưởng thù lao và các lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và pháp luật.

10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý và họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát (hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị);
- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc để giải quyết các vấn đề cấp bách/đột xuất xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

c) Thông báo họp HĐQT phải bao gồm đầy đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và cần quyết định;

d) Quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát: Đối với các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Ban Kiểm soát thì thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên được mời tham

dự. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần đầu không đủ tỷ lệ theo quy định thì trong thời hạn 07 ngày HĐQT họp lại khi có đủ $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên tham dự.

e) Cách thức biểu quyết: Thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua người được ủy quyền hợp lệ hoặc biểu quyết trực tuyến/điện tử,...phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT: HĐQT thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả họp trực tuyến), lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và pháp luật.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

i) Lập biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT được lập theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT: được thực hiện theo khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Thông báo nội bộ:

- Gửi các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc;
- Gửi đơn vị, cá nhân liên quan nếu nội dung nghị quyết liên quan đến lĩnh vực cụ thể;
- Gửi tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc BSR nếu nghị quyết liên quan đến hoạt động của toàn Công ty.

Thông báo ra bên ngoài: Nghị quyết, quyết định của HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách các lĩnh vực chuyên môn nếu xét thấy cần thiết. Các tiểu ban được thành lập theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan. Chức năng nhiệm vụ của tiểu ban do HĐQT quy định.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: HĐQT bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

- Không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

- Các trường hợp khác theo Quyết định của HĐQT Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty: theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát được ĐHCĐ bầu để thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát: Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban Kiểm soát được bầu theo cách thức tương tự như bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và pháp luật.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Các quyết định về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được công bố trong toàn Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông quyết định và cụ thể hóa tại các quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 15. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý cán bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

c) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG V.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. HĐQT là cơ quan quản lý BSR, có quyền nhân danh BSR để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục tiêu, quyền và lợi ích hợp pháp của BSR, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

a) HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy quyết định của Tổng Giám đốc trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ/HĐQT;

b) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của BSR. Thời hạn cung cấp thông tin tối đa là 05 ngày làm việc kể từ khi Tổng Giám đốc nhận được yêu cầu bằng văn bản. Trường hợp chưa thể cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho thành viên HĐQT biết và xác nhận lại thời gian cung cấp;



c) HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 30 ngày việc sử dụng các nguồn lực để tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên;

d) HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS cùng thời gian gửi các thành viên HĐQT;

e) HĐQT phải gửi Nghị quyết cho BKS trong vòng 24 giờ kể từ khi được thông qua; các nội dung xin ý kiến BKS phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc;

f) HĐQT phải tạo điều kiện cho BKS thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng nhiệm vụ; tiếp thu, ghi nhận các ý kiến đóng góp của BKS;

g) Khi tiếp nhận báo cáo kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và xử lý/khắc phục kịp thời.

2. BKS là cơ quan có thẩm quyền thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động của BSR. BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách độc lập với HĐQT, TGD và phải báo cáo ĐHĐCĐ. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông BSR về hoạt động giám sát của mình:

a) BKS có quyền giám sát tính hợp pháp trong hành động của các thành viên HĐQT; hoạt động của thành viên Ban Tổng Giám đốc; các cán bộ quản lý của BSR và các vấn đề khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của BSR và cổ đông;

b) BKS có quyền tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết, nếu có ý kiến khác với HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của BKS vào biên bản và trực tiếp báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất;

c) Đối với kết quả kiểm tra định kỳ/đột xuất: BKS phải gửi kết luận bằng văn bản cho HĐQT. Tùy theo kết quả kiểm tra, BKS cần bàn bạc, thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo ĐHĐCĐ; trường hợp không thống nhất được ý kiến thì có quyền bảo lưu ý kiến vào biên bản;

d) Đối với các nội dung HĐQT, TGD xin ý kiến, BKS có trách nhiệm phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

3. TGD điều hành hoạt động hàng ngày của BSR; tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR theo quy định của pháp luật và báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật:

a) Tổng Giám đốc phải thực hiện kiểm điểm việc triển khai các nghị quyết và các vấn đề khác được HĐQT phân cấp ủy quyền định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT;

b) Tổng Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian sớm nhất.

c) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả, sự cố tài chính/kỹ thuật... và phải có kế hoạch khắc phục trước HĐQT, ĐHĐCĐ.

378
ÔNG
CỔ P
C H
B
H

d) Khi phát hiện các vấn đề không có lợi cho BSR, Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

e) Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy quyết định của HĐQT trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty và báo cáo giải trình ngay với HĐQT bằng văn bản.

f) Tất cả các văn bản trình HĐQT phải do Tổng Giám đốc ký, trong một số trường hợp cụ thể, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc ký trình tuy nhiên Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về nội dung trình HĐQT.

4. Cuộc họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc phải được thông báo (có văn bản mời họp), ghi biên bản cuộc họp và thông báo kết quả cuộc họp.

5. Trong các trường hợp cần thiết, vì lợi ích của Công ty, Tổng Giám đốc/BKS có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT và phải nêu rõ mục đích triệu tập.

6. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của BSR có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu. Yêu cầu cung cấp thông tin của BKS phải được gửi bằng văn bản đến người được yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do phải cung cấp và đảm bảo cam kết bảo mật thông tin trong quá trình giám sát.

7. Các quy định phối hợp khác được cụ thể tại các quy chế nội bộ khác của Công ty.

Điều 17. Đánh giá hàng năm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc

1. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

- Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Trưởng ban kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các kiểm soát viên.

2. Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Hoàn thành nhiệm vụ;

- Không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tiêu chí và phương thức đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế nội bộ khác của BSR.

4. Khen thưởng, xử lý kỷ luật:

- Việc khen thưởng được thực hiện theo Quy chế Khen thưởng của BSR và quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

15/7/2011
147
147
147
147

- Căn cứ kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do người đó gây ra làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, uy tín, thương hiệu của BSR.

- Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý nếu có hành vi vi phạm quy định của Công ty, vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của BSR, truy cứu trách nhiệm và bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và pháp luật.

CHƯƠNG VI.

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 6 Chương 18 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Các nội dung khác liên quan đến quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

18/01/2018

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

MỤC LỤC

Chương I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Chương II.....	3
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Chương III.....	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	11
Chương IV.....	11
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
Chương V.....	13
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
Chương VI.....	15
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.....	16
Chương VII.....	16
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	16

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) đến bảy (07) người. Trong đó có ít nhất 1/3 là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;

M. S. C.
1856
G TY
HAI
OA D
H SO
IANG

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn

N.T. L. N. U. V. H. T.

chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;
- b) Số lượng thành viên không điều hành Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản

trị bị giảm. Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được

bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; hợp đồng,

giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao

30
C
O
T
N
/31
T.C.P
*

dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác .

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những

trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

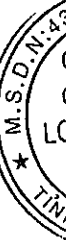
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành



Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

M.S.D

037
ÔNG
Ổ P
C H
H
QUA

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

*(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-BSR ngày 23/04/2021
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)*

15/
T
A
D
S
G

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.....	6
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	10
Điều 14. Bảo mật thông tin.....	10
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập cuộc họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Hình thức kiểm soát	11
Điều 17. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	11
Chương IV CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 18. Họp Ban kiểm soát	12
Điều 19. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát	13
Điều 20. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	13
Điều 21. Biên bản họp của Ban kiểm soát	14
Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	14
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 24. Công khai các lợi ích khác	15
Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	16

PHỤ LỤC
S
AI *

Điều 25. Mọi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	16
Điều 26. Mọi quan hệ với ĐHĐCĐ	16
Điều 27. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị	16
Điều 28. Mọi quan hệ với Ban Tổng Giám đốc	16
Điều 29. Mọi quan hệ với các phòng, ban bộ phận điều hành, tác nghiệp	17
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	17
Điều 30. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung	17

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn quy định tổ chức, nguyên tắc chế độ hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trừ khi ngữ cảnh có quy định hoặc yêu cầu hiểu khác đi, các từ ngữ dưới đây khi sử dụng trong Quy chế này sẽ có nghĩa như sau:

- a) “Ban kiểm soát” là Ban Kiểm soát Công ty.
- b) “Công ty” là Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- c) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- d) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty.
- e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- f) “Quy chế” là Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

2. Các thuật ngữ khác không được đề cập tại Điều này và đã được định nghĩa tại Điều lệ hoặc Quy chế quản trị của Công ty khi được sử dụng trong Quy chế này sẽ được hiểu như định nghĩa tại Điều lệ hoặc Quy chế quản trị của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế này.

2. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

3. Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng, tiết lộ thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm các thành viên của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là không quá 5 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông đề cử.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liên trước đó.

7/8
i T
1A)
D/
JN
/ NG

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua hoặc ký ban hành Quy chế nếu được ĐHĐCĐ ủy quyền;

b) Tổ chức xây dựng chương trình giám sát, kiểm tra định kỳ hàng quý, hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát;

d) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý các trường hợp vi phạm quy định của Luật pháp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

h) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty do các cổ đông, nhóm cổ đông phổ thông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đề cử, ứng cử. Việc đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty;

- f) Các thông tin khác nếu có theo quy định của Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích liên quan đến Công ty.
2. Việc thông báo kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho HĐQT.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 14. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và Pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ các quy định nội bộ của Công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập cuộc họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;

c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

300
ÔNG
3 PH
IÓA D
SON
NG

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 16. Hình thức kiểm soát

1. Kiểm soát gián tiếp là hình thức kiểm soát chủ yếu, dựa trên báo cáo tài chính, báo cáo của Tổng Giám đốc và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát trực tiếp thông qua kiểm tra trực tiếp tại các đơn vị chức năng liên quan của Công ty. Đây là giải pháp nhằm bổ sung cho hình thức kiểm soát gián tiếp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát.

Điều 17. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp các thành viên của Ban kiểm soát chưa thống nhất kết luận về vấn đề nào đó trong quá trình kiểm soát thì sẽ lấy ý kiến biểu quyết đa số. Những thành viên chưa thống nhất ý kiến đa số có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông xem xét, xử lý. Trong thời gian chưa có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì vẫn chấp hành theo quyết định đa số của Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm soát những vụ việc phức tạp và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về mọi hoạt động của Ban.

3. Những vụ việc kiểm soát mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để huy động thêm sự tham gia của một số cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất trong Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Những vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân bên ngoài Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn để phục vụ công tác kiểm soát thì cần phải được thông báo tới Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát thường xuyên, định kỳ (có trọng tâm và trọng điểm). Kiểm soát những nội dung đã có chương trình, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trước khi tiến hành kiểm soát phải thông báo trước cho Hội đồng quản trị và các đối tượng bị kiểm soát về nội dung, chương trình, thời gian làm việc. Khi cần thiết sẽ tiến hành kiểm soát đột xuất nhưng phải được thông báo trước tới Hội đồng quản trị.

6. Những vụ việc kiểm soát đột xuất, thành viên Ban kiểm soát được phân công có thể thông báo cho đối tượng bị kiểm soát bằng văn bản hoặc thông báo, trao đổi trực tiếp.

7. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên



8. Hoạt động hành chính của Ban kiểm soát theo quy định chung của Công ty và do bộ phận hành chính phục vụ. Chi phí hoạt động chung của Ban kiểm soát bao gồm chi phí cho hoạt động văn phòng, chi phí thuê tư vấn, kiểm toán, công tác phí và các chi phí khác được tính vào chi phí chung của Công ty trên cơ sở hợp lý, hợp lệ và theo nguyên tắc tài chính của Công ty và Nhà nước quy định.

Chương IV

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp tối thiểu 03 tháng một lần do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền triệu tập.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần làm rõ.

3. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị
- b) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Trưởng Ban kiểm soát
- d) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát
- e) Tổng Giám đốc

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, và/hoặc xem xét quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có) và xem xét việc bãi nhiệm Trưởng ban Kiểm soát.

5. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Ban Kiểm soát tham dự. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc một địa điểm khác do các thành viên Ban kiểm soát thống nhất. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet... Việc tham gia các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát thông qua các phương tiện điện thoại, internet... được coi là đã tham dự và phải được ghi lại trong Biên bản họp.

Điều 19. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các thành viên Ban kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết hoặc ý kiến bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Điều 20. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.

2. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng các chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

3. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản gửi trước cuộc họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

4. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua với các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

5. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

6. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát nếu được đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết tán thành với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

7. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến.

11/11
C
OC
11/11
11/11

- c) Họ tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát.
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến.
- e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty.
- g) Họ tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 21. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát hoạt động và tài chính của Công ty

5. Báo cáo đánh giá và giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát (trên 50%) vốn điều lệ trở lên với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty và công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao, thưởng, lợi ích khác và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích khác

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích khác của mình bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ sở hữu hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỉ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các lợi ích liên quan; việc sửa đổi bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin liên quan có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Ban kiểm soát hoặc những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện

công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 26. Mối quan hệ với ĐHĐCĐ

Ban kiểm soát báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý Công ty
2. Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.
4. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

1. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Tổng Giám đốc gửi tới HĐQT các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất với Tổng Giám đốc Công ty đề kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Tổng Giám đốc Công ty sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Tổng Giám đốc.

6. Tổng Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia cùng đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

Điều 29. Mối quan hệ với các Ban chức năng trong Công ty

1. Các Ban chức năng phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Trưởng các Ban chức năng ban được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

3. Trưởng các Ban chức năng phải ký xác nhận vào biên bản kiểm tra do Ban kiểm soát lập, ghi rõ ý kiến của Ban đối với những ý kiến nhận xét, kiến nghị của Ban kiểm soát liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Ban.

4. Trưởng các Ban chức năng có thể thông báo cho Ban kiểm soát khi phát hiện có các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản tại Ban mình.

5. Hàng tháng, quý và năm Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty có trách nhiệm gửi cho Ban Kiểm soát về tổng hợp nội dung kiểm tra, kiểm soát được thực hiện trong kỳ, các kiến nghị, đề xuất (nếu có) nhằm ngăn ngừa, khắc phục các vi phạm.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này gồm.....ChươngĐiều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày tháng năm 2021.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát và chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

